

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Thoa
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG9**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Thoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Thoa

Mã sinh viên: 1112401440

Lớp: QT1502K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề cơ bản về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

- Đưa ra những nhận xét về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho Công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Sử dụng số liệu năm 2014.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 04 tháng 7 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Kim Thoa

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập tại Trường đại học Dân lập Hải Phòng, được sự dạy dỗ tận tình của các thầy các cô trong khoa quản trị kinh doanh, em đã tích lũy cho mình những kiến thức cần thiết để có thể tự tin bước trên con đường mình chọn, em rất biết ơn các thầy cô vì những điều thầy cô làm cho chúng em. Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã gặp không ít khó khăn, bỡ ngỡ. nếu như không có sự giúp đỡ và lời động viên chân thành của mọi người, có lẽ em đã không hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp của mình.

Lời đầu tiên, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo **Th.s Nguyễn Văn Thụ** - người đã hướng dẫn, giúp em chỉnh sửa và góp ý để em có thể hoàn thành tốt khóa luận này.

Tiếp đến em xin cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 đặc biệt là bà Trịnh Nữ Hà Trâm - kế toán trưởng của Công ty.

Tôi xin cảm ơn bạn bè những người luôn sát cánh bên tôi trên con đường tích lũy kiến thức quý báu của ngày hôm nay.

Và sau cùng, con xin cảm ơn gia đình, một chỗ dựa vững chắc về tinh thần trong suốt hành trình vào đời của con.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	3
1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	3
1.1.2. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp.....	4
1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	4
1.1.3.1. Khái niệm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	4
1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	7
1.1.3.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	9
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	10
1.2. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	11
1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	11
1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp.....	12
1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang	12
1.2.4. Phương pháp tính giá thành	13
1.3. Nội dung công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	16
1.3.1. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên ...	16
1.3.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	16
1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	17
1.3.1.3. Chi phí sử dụng máy thi công	18
1.3.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	21
1.3.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm	23

1.3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	24
1.3.3. Hạch toán các khoản thiệt hại trong doanh nghiệp xây lắp	25
1.3.3.1. <i>Thiệt hại do sản xuất sản phẩm hỏng</i>	25
1.3.3.2. <i>Thiệt hại ngừng sản xuất</i>	27
1.3.4. Hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc thiết bị trong doanh nghiệp xây lắp.....	28
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.	29

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 31	
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	32
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	34
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	35
2.1.4.1. <i>Tổ chức bộ máy kế toán</i>	35
2.1.4.2. <i>Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9</i>	36
2.1.4.3. <i>Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán</i>	37
2.1.4.4. <i>Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán</i>	38
2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	38
2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	38
2.2.1.1. <i>Phân loại chi phí sản xuất</i>	38
2.2.1.2. <i>Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9</i>	39
2.2.1.3. <i>Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	40

2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	46
2.2.1.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	55
2.2.1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung	66
2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	79
2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm.....	82
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9	87
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	87
3.1.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Bạch Đằng 9	87
3.1.1.1 Những ưu điểm.....	87
3.1.1.2. Nhược điểm	88
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 trong điều kiện hiện nay.	90
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	90
3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	92
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.....	93
KẾT LUẬN	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp trên thế giới nói chung cũng như ở nước ta nói riêng ngày càng phát triển. Do đó, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt là điều không thể tránh khỏi. Vì thế, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì sản phẩm mà doanh nghiệp làm ra ngoài đáp ứng được nhu cầu của thị trường, cạnh tranh được về chất lượng thì cần phải có khả năng cạnh tranh về giá nhằm tạo ra lợi nhuận và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, ngành xây dựng cơ bản ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Với đặc trưng của ngành xây dựng cơ bản là vốn đầu tư lớn, thời gian thi công dài, trong khi nguồn lực bị giới hạn. Vậy nên, vấn đề đặt ra là làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả, đồng thời khắc phục được tình trạng thất thoát, lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Để đạt được điều đó, công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được xem là công cụ hữu hiệu và đặc lực trong việc cung cấp các thông tin phục vụ cho quản lý đặc biệt là các thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất được tập hợp đầy đủ, hợp lý kết hợp với việc tính đúng và tính đủ giá thành sản phẩm sẽ làm lành mạnh hóa các mối quan hệ kinh tế tài chính trong doanh nghiệp, góp phần tích cực vào việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

Xuất phát từ những vấn đề trên, sớm nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9”*** để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Trong khuôn khổ của bài khóa luận tốt nghiệp, ngoài phần đặt vấn đề và phần kết luận, em xin trình bày ba phần chính sau:

Chương I: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giảng viên hướng dẫn – **Th.S. Nguyễn Văn Thụ** cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã có rất nhiều cố gắng, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như sự nhận thức và trình độ nên chắc chắn khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô để có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Kim Thoa

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Để đứng vững trong môi trường kinh doanh thời kỳ đổi mới như hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt để khẳng định vị trí cho mình. Một môi trường kinh doanh thuận lợi vừa là cơ hội vừa là mối đe dọa cho tất cả các doanh nghiệp. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững thì phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ đầu tư vốn, xây dựng hệ thống sản xuất kinh doanh đến tiêu thụ sản phẩm. Muốn làm được điều đó doanh nghiệp cần phải luôn quan tâm đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Bởi vì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, việc tổ chức kế toán đúng, hợp lý, chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong việc quản lý chi phí, giá thành sản phẩm, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và ở các đội sản xuất nói riêng.

Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành cung cấp, nhà quản lý sẽ biết được chi phí và giá thành thực tế của từng sản phẩm, chủng loại sản phẩm, của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Thông qua đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá tình hình sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn có hiệu quả hay không, để có thể đề ra các quyết định quản trị doanh nghiệp sao cho hiệu quả giúp hạ thấp giá thành sản phẩm, giúp doanh nghiệp tự tin đứng vững trên thị trường với nhiều đối thủ cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Vì vậy, khi doanh nghiệp tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp đảm bảo xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành, xác định đúng lượng giá trị của các yếu tố chi phí đã dịch chuyển vào sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất sản xuất độc lập nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. So với các ngành sản xuất khác, ngành xây dựng cơ bản có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, chi phối trực tiếp đến việc tổ chức công tác kế toán nói chung, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, cụ thể:

Thứ nhất: Sản phẩm xây lắp mang tính riêng lẻ, mỗi sản phẩm có yêu cầu về mặt thiết kế, kết cấu, địa điểm xây dựng khác nhau. Vì vậy, mỗi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu về tổ chức quản lý, tổ chức thi công phù hợp với đặc điểm của từng công trình cụ thể. Việc tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

Thứ hai: Sản phẩm xây lắp có giá trị lớn, khối lượng công trình lớn, do đó việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp cần phải lập dự toán. Do thời gian thi công tương đối dài nên kỳ tính giá thành thường được xác định theo thời điểm khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay thực hiện bàn giao thanh toán theo giai đoạn quy ước.

Thứ ba: Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp tương đối lâu dài, nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa phải phá đi làm lại. Do đó, trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

Thứ tư: Sản phẩm xây dựng cơ bản được sử dụng tại chỗ, địa điểm xây dựng luôn thay đổi theo địa bàn thi công. Khi một công trình hoàn thành thì các yếu tố vật chất cũng như con người phải chuyển đến thi công ở một công trình khác, do đó sẽ phát sinh các chi phí như điều động công nhân, máy móc thi công.

Thứ năm: Sản xuất XDCCB thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của điều kiện môi trường, thời tiết. Do đặc điểm này, trong quá trình thi công cần tổ chức quản lý lao động, vật tư, chặt chẽ, đảm bảo thi công nhanh, đúng tiến độ.

1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.3.1. Khái niệm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

❖ Khái niệm

Dưới nhiều phương diện khác nhau thì có những cách hiểu khác nhau về chi phí, nhưng chung quy lại ta có thể hiểu: “ Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền

của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định”.

Xét trong doanh nghiệp xây lắp thì chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản hao phí vật chất mà doanh nghiệp chi ra trong một kỳ kinh doanh nhất định để thực hiện công tác xây lắp, nhằm tạo ra các loại sản phẩm khác nhau theo mục đích kinh doanh cũng như theo hợp đồng giao thầu đã ký kết.

❖ ***Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp***

Trên nhiều phương diện nhìn nhận khác nhau, theo những tiêu chí khác nhau thì chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các cách khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc quản lý và hạch toán.

➤ ***Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế ban đầu (theo yếu tố chi phí)***

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí sản xuất mang một nội dung kinh tế riêng, ngoài ra không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực hoạt động sản xuất nào, ở đâu và mục đích hoặc tác dụng của chi phí như thế nào, và các yếu tố đó là: Chi phí nguyên vật liệu; Chi phí nhân công; Chi phí công cụ dụng cụ; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

- ***Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu:*** Bao gồm toàn bộ các chi phí về các loại nguyên liệu, vật liệu (vật liệu chính, vật liệu phụ), nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật tư, thiết bị xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng cho các hoạt động sản xuất trong kỳ.

- ***Yếu tố chi phí nhân công trực tiếp:*** Bao gồm toàn bộ số tiền lương phải trả và các khoản phải trả khác cho người lao động.

- ***Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định:*** Bao gồm toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp.

- ***Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài:*** Gồm toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp đã chi trả cho các loại dịch vụ mua ngoài như: tiền điện, tiền nước... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- ***Yếu tố chi phí bằng tiền khác:*** Bao gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất ngoài các yếu tố chi phí ở trên.

Theo cách này, doanh nghiệp xác định được kết cấu tỷ trọng của từng loại chi phí trong tổng chi phí sản xuất để lập thuyết minh báo cáo tài chính đồng thời phục vụ cho nhu cầu của công tác quản trị trong doanh nghiệp, làm cơ sở để lập mức dự toán cho kỳ sau.

➤ *Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế)*

Theo cách phân loại này, chi phí trong kỳ kế toán của doanh nghiệp gồm các khoản mục sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Gồm tất cả chi phí vật liệu trực tiếp sử dụng cho thi công xây lắp, như vật liệu chính (gạch, gỗ, cát đá, xi măng,...); vật liệu phụ, nhiên liệu, vật kết cấu, giá trị thiết bị đi kèm với vật kiến trúc.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Gồm các khoản tiền lương, tiền công, phụ cấp của công nhân trực tiếp tham gia công tác thi công xây dựng; khoản phải trả cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp, lương của nhân viên thu mua, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản vật liệu trước khi đến kho công trường, lương công nhân sản xuất phụ, nhân viên quản lý, công nhân điều khiển sử dụng máy thi công, những người làm công tác bảo quản công trường.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Là toàn bộ các chi phí vật liệu, nhân công các chi phí khác trực tiếp dùng cho quá trình sử dụng máy phục vụ cho công trình xây lắp.

- *Chi phí sản xuất chung*: Là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trình xây dựng bao gồm tất cả các chi phí sản xuất khác ngoài 3 khoản mục chi phí trên.

➤ *Phân loại theo mô hình ứng xử của chi phí (theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm lao vụ hoàn thành)*

Theo cách này, chi phí được phân loại theo cách ứng xử của chi phí hay xem xét sự biến động của chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi, và chi phí được phân thành 3 loại: biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

- *Định phí* (Chi phí bất biến): Là các chi phí không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ.

- *Biến phí* (Chi phí khả biến): Là các chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản xuất trong kỳ.

- *Chi phí hỗn hợp*: Là loại chi phí bao gồm cả hai yếu tố trên.

Cách phân loại trên giúp doanh nghiệp có cơ sở để lập kế hoạch, kiểm tra chi phí, xác định điểm hòa vốn, phân tích tình hình tiết kiệm chi phí, tìm ra phương hướng nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

➤ *Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.*

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được phân thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp* : Là những khoản chi phí có liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất và tạo ra một công trình, một hạng mục công trình.

- *Chi phí gián tiếp* : là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không thể dựa vào chứng từ để tính trực tiếp cho từng đối tượng, những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan một cách chính xác và hợp lý.

Ngoài ra còn có các cách phân loại khác như: theo mối quan hệ với thời kỳ tính kết quả, theo khả năng kiểm soát chi phí,.... Tùy thuộc vào các yêu cầu quản lý chi phí sản xuất xây lắp, mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với quy trình công nghệ để có thể phân loại theo các cách khác nhau.

1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

❖ Khái niệm giá thành sản phẩm trong xây lắp

Giá thành sản xuất sản phẩm là một phạm trù của sản xuất hàng hóa, phản ánh lượng giá trị của những hao phí lao động sống và lao động vật hóa đã thực sự chi cho sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí phát sinh trong quá trình sản xuất có liên quan tới khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp xây lắp, giá thành sản phẩm lại mang tính cá biệt, mỗi công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp sau khi hoàn thành đều có giá thành riêng.

❖ Phân loại giá thành trong xây lắp

Có nhiều cách phân loại giá thành sản phẩm. tùy theo tiêu chí lựa chọn mà giá thành sản phẩm có thể được phân loại như sau:

➤ *Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành*

- Giá thành dự toán (Z_{DT}):

Là tổng hợp chi phí dự toán để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế và đơn giá chi phí do nhà nước quy định áp dụng cho từng vùng, lãnh thổ, từng địa phương..

$$\text{Giá thành dự toán sản phẩm xây lắp} = \text{Giá trị dự toán sản phẩm xây lắp} - \text{Lãi định mức}$$

Trong đó: Lãi định mức trong XDCB được Nhà nước quy định trong từng thời kỳ. Giá trị dự toán xây lắp được xác định dựa vào định mức giá của các cơ quan có thẩm quyền và dựa trên mặt bằng giá cả thị trường.

- Giá thành kế hoạch (Z_{KH}):

Được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Chỉ tiêu này được xác lập trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể, năng lực thực tế của từng doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\text{Giá thành kế hoạch sản phẩm xây lắp} = \text{Giá thành dự toán sản phẩm xây lắp} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch cho phép ta xem xét và thấy được chính xác những chi phí phát sinh trong từng giai đoạn cũng như hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật hạ giá thành dự toán.

- Giá thành thực tế:

Là toàn bộ chi phí thực tế để hoàn thành, bàn giao KLXL mà doanh nghiệp đã thực hiện. Giá thành thực tế chỉ được xác định khi công trình, HMCT đã hoàn thành, bao gồm các chi phí theo định mức, vượt định mức và không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bồi chi, lãng phí về vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành. Giá thành này được tính trên cơ sở số liệu do kế toán tập hợp được về CPSX thực tế phát sinh cho KLXL thực hiện trong kỳ. Giá thành thực tế biểu hiện chất lượng, hiệu quả về kết quả hoạt động của doanh nghiệp xây lắp.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được nguyên nhân vượt định mức chi phí trong kỳ kế hoạch, từ đó có hướng điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

So sánh các loại giá thành trên, ta có thể đánh giá được chất lượng sản xuất thi công công trình, chất lượng công tác quản lý chi phí, quản lý giá thành của doanh nghiệp xây lắp, về nguyên tắc phải đảm bảo:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế.}$$

➤ *Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí*

- Giá thành sản xuất:

Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm. Đối với các đơn vị xây lắp, giá thành sản xuất gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp ở các doanh nghiệp xây lắp.

$$\text{Giá thành của sản phẩm xây lắp} = \frac{\text{Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ}}{\text{đầu kỳ}} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}$$

- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ):

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành tiêu thụ được tính như sau:

$$\text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ} = \frac{\text{Giá thành sản xuất của sản phẩm đã tiêu thụ}}{\text{tiêu thụ}} + \frac{\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho sản phẩm tiêu thụ}}{\text{phân bổ cho sản phẩm tiêu thụ}} + \frac{\text{Chi phí bán hàng phân bổ cho sản phẩm tiêu thụ}}{\text{hàng phân bổ cho sản phẩm tiêu thụ}}$$

Cách phân loại này có tác dụng giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên, những hạn chế khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

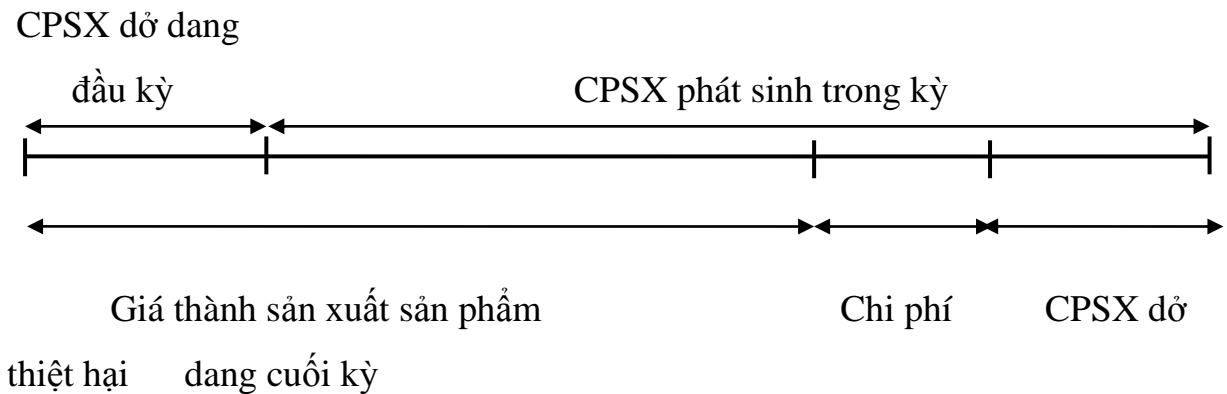
1.1.3.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai giai đoạn liên hoàn kế tiếp nhau của một quá trình, chúng đều bao hàm các chi phí lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất sản phẩm nhưng lại khác nhau về thời kỳ, phạm vi và giới hạn, cụ thể:

CPSX luôn gắn với một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm luôn gắn liền với một loại sản phẩm (công trình, hạng mục công trình).

CPSX chỉ bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ này, còn giá thành sản phẩm chứa đựng cả một phần của chi phí kỳ trước (chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ).

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

CPSX và giá thành sản phẩm giống nhau về chất vì đều cùng bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra. Nhưng chúng khác nhau về mặt lượng. Khi nói đến CPSX là giới hạn chúng cho một thời kỳ nhất định, không phân biệt công trình đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm gắn với khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

Ngoài ra, giá thành sản phẩm còn mang tính chất chủ quan. Việc giới hạn chi phí tính vào giá thành sản phẩm còn tùy thuộc vào quan điểm tính toán xác định chi phí, doanh thu và kết quả, cũng như quy định của chế độ quản lý kinh tế - tài chính, chế độ kế toán hiện hành.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp như sau:

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí dự toán khác, phát hiện kịp

thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí khác ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại, mất mát, hư hỏng... trong sản xuất để đề xuất những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

- Tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm lao vụ hoàn thành của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình từng loại sản phẩm lao vụ, vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và có hiệu quả.

- Xác định đúng đắn và bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng công tác xây dựng đã hoàn thành. Định kỳ kiểm kê và đánh giá khối lượng thi công dở dang theo nguyên tắc quy định.

- Đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở từng công trình, hạng mục công trình, từng bộ phận thi công tổ đội sản xuất... trong từng thời kỳ nhất định, kịp thời lập báo cáo về chi phí sản xuất, tính giá thành công trình xây lắp, cung cấp chính xác kịp thời các thông tin hữu dụng về chi phí sản xuất và giá thành phục vụ cho yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

1.2. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

❖ *Đối tượng kế toán chi phí sản xuất*

Khi xác định đối tượng kế toán CPSX trước hết các nhà quản trị phải căn cứ vào mục đích sử dụng của chi phí, sau đó phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức SXKD, quản lý SXKD, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất sản phẩm, khả năng, trình độ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong các doanh nghiệp xây lắp, với tính chất phức tạp của công nghệ và sản phẩm sản xuất mang tính đơn chiếc, có cấu tạo vật chất riêng. Mỗi công trình, hạng mục công trình có dự toán thiết kế thi công riêng nên đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là công trình, hạng mục công trình, hoặc có thể là đơn đặt hàng, bộ phận thi công hay từng giai đoạn công việc. Tuy nhiên trên thực tế các đơn vị xây lắp thường hạch toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình.

❖ *Đối tượng tính giá thành sản phẩm:*

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và cần phải tính được giá thành và giá thành đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành cũng là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm của kế toán. Bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, các loại sản phẩm và lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản xuất của chúng để xác định đối tượng tính giá thành cho thích hợp.

Trong các doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành thường phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, có thể là: các công trình, HMCT, KLXL hoàn thành bàn giao hoặc hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Thông thường kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện theo 2 phương pháp chủ yếu:

➤ **Phương pháp tập hợp trực tiếp:** Phương pháp này áp dụng trong trường hợp các chi phí sản xuất phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất riêng biệt. Phương pháp này đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép ban đầu theo từng đối tượng.

➤ **Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp:** Theo phương pháp này chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất sẽ được theo dõi chung, cuối kỳ mới tiến hành phân bổ theo tiêu tức phù hợp.

- Xác định hệ số phân bổ: $H = \frac{C}{T}$
- Xác định mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. $C_i = H \times T_i$

Trong đó: H : là hệ số phân bổ

C : là tổng chi phí cần phân bổ

T : là tổng tiêu chuẩn dùng để phân bổ

C_i : phần chi phí phân bổ cho đối tượng i.

T_i : tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i.

Tính chính xác của phương pháp này phụ thuộc vào việc lựa chọn tiêu thức phân bổ, do đó kế toán phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất, trình độ, yêu cầu quản lý và đặc điểm chi phí để lựa chọn.

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Căn cứ vào phương thức giao nhận thầu giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp, có các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang như sau:

- Trường hợp bàn giao thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ, tổng cộng chi phí sản xuất từ khi khởi công đến thời điểm xác định chính là chi phí sản xuất dở dang thực tế.

- Trường hợp bàn giao thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành của từng loại công việc hoặc bộ phận kết cấu, xác định chi phí thực tế của khối lượng dở dang cuối kỳ như sau:

$$\text{Giá thành dự toán của từng khối lượng dở dang} = \text{Khối lượng dở dang} \times \text{Đơn giá dự toán} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành}$$

$$\text{Chi phí thực tế của KL dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CP thực tế DD đầu kỳ} + \text{CP thực tế PS trong kỳ}}{\text{Z}_{DT} \text{KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Z}_{DT} \text{ của các KL dở dang cuối kỳ}} \times \text{Z}_{DT} \text{ của KL DD cuối kỳ}$$

1.2.4. Phương pháp tính giá thành

Các phương pháp tính giá thành chủ yếu thường được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp gồm:

➤ **Phương pháp trực tiếp**

Phương pháp này là phương pháp tính giá thành được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay, thường được áp dụng trong trường hợp đối tượng hạch toán chi phí chính là đối tượng tính giá thành.

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính như sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó: Z: Giá thành các giai đoạn xây lắp thuộc từng công trình, HMCT hoàn thành.

D_{dk} : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

C: Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ

D_{ck} : Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

Trong trường hợp, chi phí sản xuất tập hợp theo công trình hoặc cả công trình nhưng giá thành thực tế lại phải tính riêng cho từng HMCT. Kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm hoặc hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng HMCT để tính giá thành thực tế cho HMCT đó.

Nếu các HMCT có thiết kế khác nhau, dự toán khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một công trình sản xuất đảm nhận nhưng không có

điều kiện quản lý theo dõi việc sử dụng các loại chi phí khác nhau cho từng HMCT thì từng loại chi phí đã được tập hợp trên toàn công trình đều phải tiến hành phân bổ cho từng HMCT. Khi đó giá thành thực tế của từng HMCT sẽ là:

$$\mathbf{Z} = \mathbf{G}_{dti} \times \mathbf{H}$$

Trong đó: H: Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế.

$$\mathbf{H} = \frac{\sum C}{\sum G_{dt}} \times 100 \%$$

$\sum C$: Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

$\sum G_{dt}$: Tổng dự toán của tất cả các công trình

$\sum G_{dti}$: Giá trị dự toán của từng hạng mục công trình

➤ **Phương pháp tổng cộng chi phí.**

Phương pháp này áp dụng đối với các đơn vị xây lắp mà quá trình xây dựng được tập hợp ở nhiều đội xây dựng, nhiều giai đoạn công việc.

Giá thành sản phẩm xây lắp được xác định bằng cách cộng tất cả chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất, từng giai đoạn công việc, từng hạng mục công trình.

$$\mathbf{Z} = \mathbf{D}_{dk} + (\mathbf{C1} + \mathbf{C2} + \dots + \mathbf{Cn}) - \mathbf{D}_{ck}$$

Trong đó: Z: Là giá thành sản phẩm xây lắp

C1 Cn: Là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất kinh doanh hay từng giai đoạn công việc.

Phương pháp giá thành này tương đương đối dễ dàng, chính xác. Với phương pháp này yêu cầu kế toán phải tập hợp đầy đủ chi phí cho từng công việc, từng hạng mục công trình. Bên cạnh các chi phí trực tiếp được phân bổ ngay, các chi phí gián tiếp (chi phí chung) phải được phân bổ theo tiêu thức nhất định.

➤ **Phương pháp tính giá thành theo định mức**

Phương pháp này có mục đích kịp thời phát hiện ra mọi chi phí sản xuất và phát sinh vượt quá định mức, từ đó tăng cường phân tích và kiểm tra kế hoạch giá thành. Nội dung của phương pháp này cụ thể như sau:

- Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành, kết hợp với dự toán chi phí được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức.

- Tổ chức hạch toán riêng biệt số CPSX xây lắp thực tế phù hợp với định mức và số CPSX xây lắp chênh lệch thoát ly định mức, thường xuyên thực hiện phân tích những chênh lệch này để kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục nhằm tiết kiệm CPSX và hạ giá thành sản phẩm.

- So sánh chi phí phát sinh với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích những chênh lệch đó để kịp thời tìm ra những biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, kết hợp với việc theo dõi chính xác số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{của sản phẩm} & & \text{mức của sản} & & \text{thay đổi định} & & \text{do thoát ly} \\ \text{xây lắp} & = & \text{phẩm xây lắp} & \pm & \text{mức} & \pm & \text{định mức} \end{array}$$

Trong đó: *Chênh lệch do thay đổi định mức = Định mức cũ – Định mức mới*

$$\begin{array}{ccc} \text{Chênh lệch do thoát} & \text{Chi phí thực tế (theo} & \text{Chi phí định mức} \\ \text{ly định mức} & \text{từng khoản mục)} & \text{(theo từng khoản mục)} \\ = & - & \end{array}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp, tuy nhiên để phương pháp này thực sự phát huy tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán ban đầu cần chính xác và chặt chẽ.

➤ **Phương pháp theo đơn đặt hàng**

Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp nhận thầu xây lắp với bên giao thầu hợp đồng thi công nhiều công việc khác nhau mà không cần hạch toán riêng cho từng công việc. Toàn bộ chi phí phát sinh cho từng đơn đặt hàng từ lúc khởi công xây dựng đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó .

$$Z_i = \frac{Z_{đdh}}{Z_{dt}} \times Z_{dti}$$

Trong đó: Z_i : Giá thành sản xuất thực tế HMCT.

$Z_{đdh}$: Giá thành sản xuất thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{dt} : Giá thành dự toán của HMCT thuộc đơn đặt hàng.

Z_{dti} : Giá thành dự toán của từng hạng mục công trình.

1.3. Nội dung công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp. Việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tổ chức tập hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế.

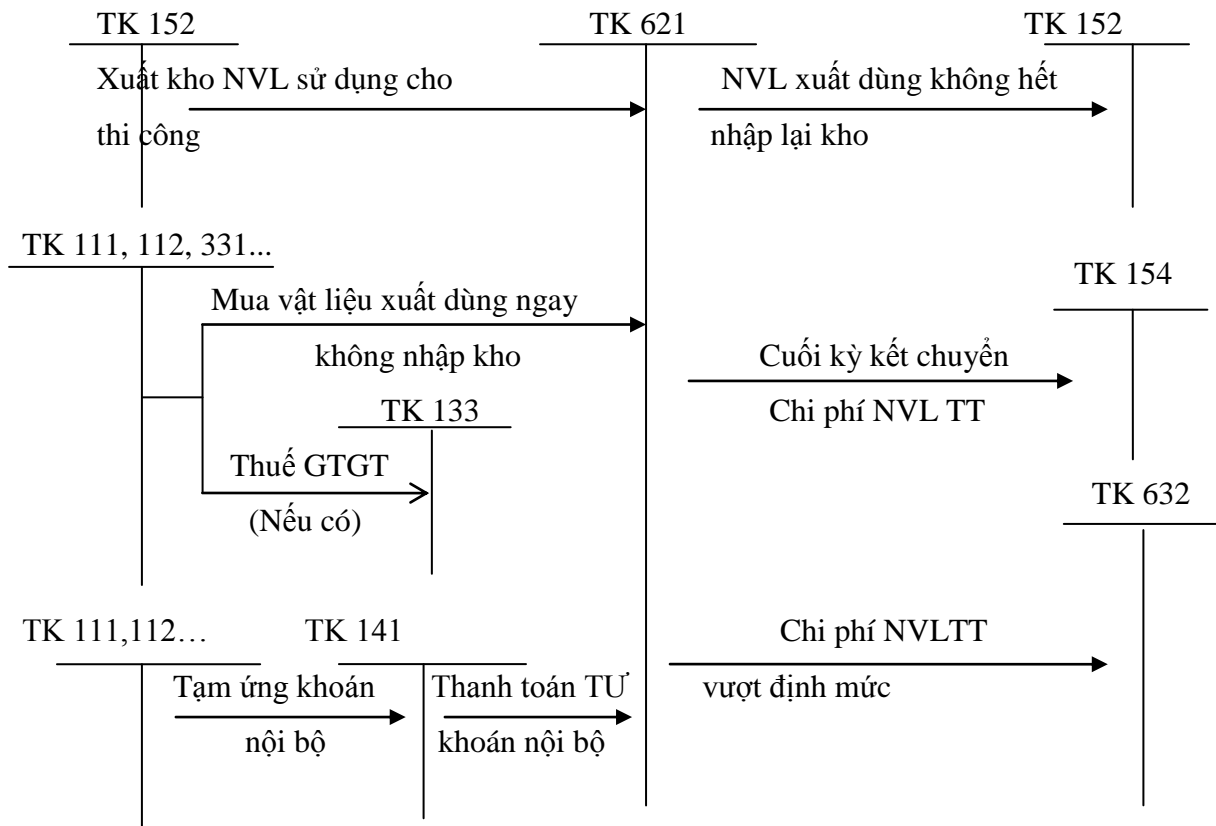
- Chi phí nguyên, vật liệu có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức hợp lý như số lần sử dụng, khối lượng xây lắp hoàn thành,...

- Khi công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, phải tiến hành kiểm kê số nguyên, vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi được (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

- Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 và các tài khoản liên quan như TK 111, 112, 1388, 331, 133, 152, 141,..

- Chứng từ sử dụng:** Hợp đồng kinh tế; Hóa đơn bán hàng; Hóa đơn giá trị gia tăng; Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho; Giấy đề nghị tạm ứng; Phiếu chi, Phiếu yêu cầu vật tư,...

• **Phương pháp hạch toán:** Được thể hiện thông qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp

1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp xây lắp phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp như tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, không phân biệt lao động trong danh sách quản lý của doanh nghiệp hay lao động thuê ngoài.

Quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp cần đảm bảo:

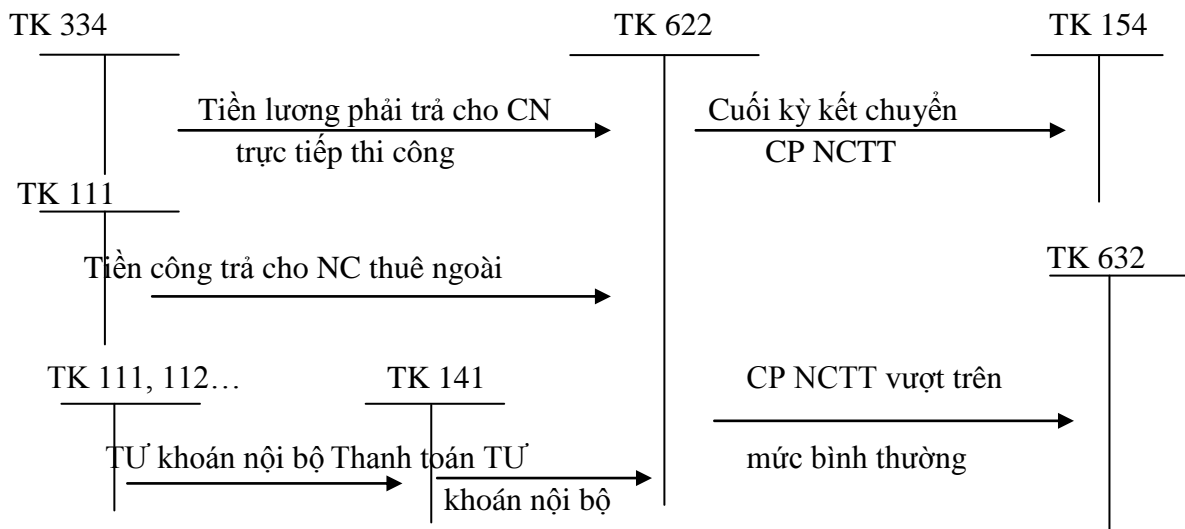
- Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trong trường hợp chi phí nhân công có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà không thể hạch toán riêng cho từng đối tượng được, thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiêu thức phù hợp như tiền lương định mức hay giờ công định mức.

- Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân trực tiếp xây lắp được tính vào chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp.

• **Tài khoản sử dụng:**Đề hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 và một số tài khoản liên quan khác như TK 334, 338, 111, 112, ...

• **Chứng từ sử dụng:** Bảng chấm công; Bảng thanh toán lương; Hợp đồng giao khoán; Phiếu xác nhận khối lượng sản phẩm hoặc lao vụ hoàn thành,....

• **Phương pháp hạch toán:** Được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

1.3.1.3. Chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công là các loại xe máy chạy bằng động lực (điện, xăng dầu, khí nén...) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình như: Máy trộn bê tông, cần cẩu, máy đào xúc đất, máy ủi, máy đóng cọc, ô tô vận chuyển đất đá ở công trường... Các loại phương tiện thi công này doanh nghiệp có thể tự trang bị hoặc thuê ngoài. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công.

Đối với doanh nghiệp thực hiện việc xây lắp theo phương thức thi công hỗn hợp tức vừa thực hiện thủ công vừa kết hợp thi công bằng máy thì trong giá thành sản phẩm xây lắp còn có khoản mục chi phí sử dụng máy thi công – TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”.

- TK 623 có 6 tài khoản cấp 2 :
 - + TK 6231: Chi phí nhân công.
 - + TK 6232: Chi phí vật liệu
 - + TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất
 - + TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công

+ TK 6237: Chi phí dịch vụ thuê ngoài

+ TK 6238: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác có liên quan đến quá trình sử dụng máy cho các công trình xây lắp.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, các hình thức tổ chức máy thi công như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng biệt và phân cấp hạch toán cho đội máy có tổ chức hạch toán riêng thì tất cả chi phí tại đội máy thi công được tập hợp vào các khoản mục: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đối tượng xây lắp. Quan hệ giữa máy thi công với đơn vị xây lắp có thể thực hiện theo phương thức cung cấp lao vụ máy hay có thể thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận trong nội bộ.

- Trường hợp doanh nghiệp không có tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công và thực hiện phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan tới hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí máy thi công. Sau đó tính phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

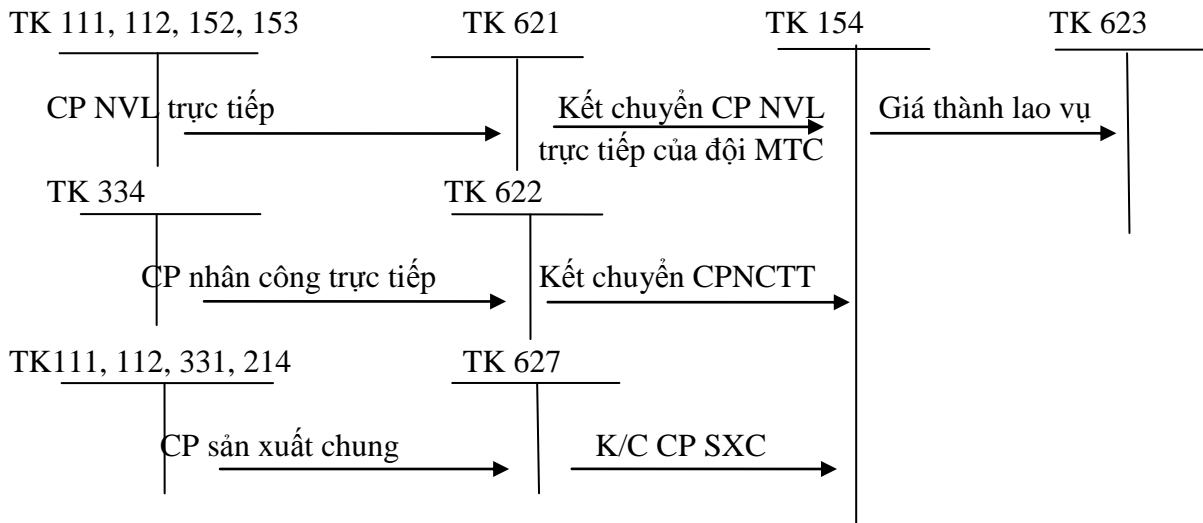
- Trường hợp doanh nghiệp thuê một số ca máy hoạt động nhất định: Hai bên đi thuê và cho thuê sẽ tiến hành thanh toán trên cơ sở số ca máy hoạt động thực tế và theo đơn giá đã thỏa thuận. Bên cho thuê sẽ thực hiện mọi chi phí trong quá trình máy thi công hoạt động. Nhà thầu chỉ trả tiền thuê số ca máy hoạt động thực tế mà thôi.

• **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng TK 623 và một số tài khoản liên quan khác như TK 111, 112, 214, 338, 334,

• **Chứng từ sử dụng:** Nhật trình xe máy; Phiếu theo dõi hoạt động xe máy thi công; Phiếu xuất kho; Phiếu chi; Hóa đơn GTGT; Hóa đơn mua hàng; Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương; Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ,...

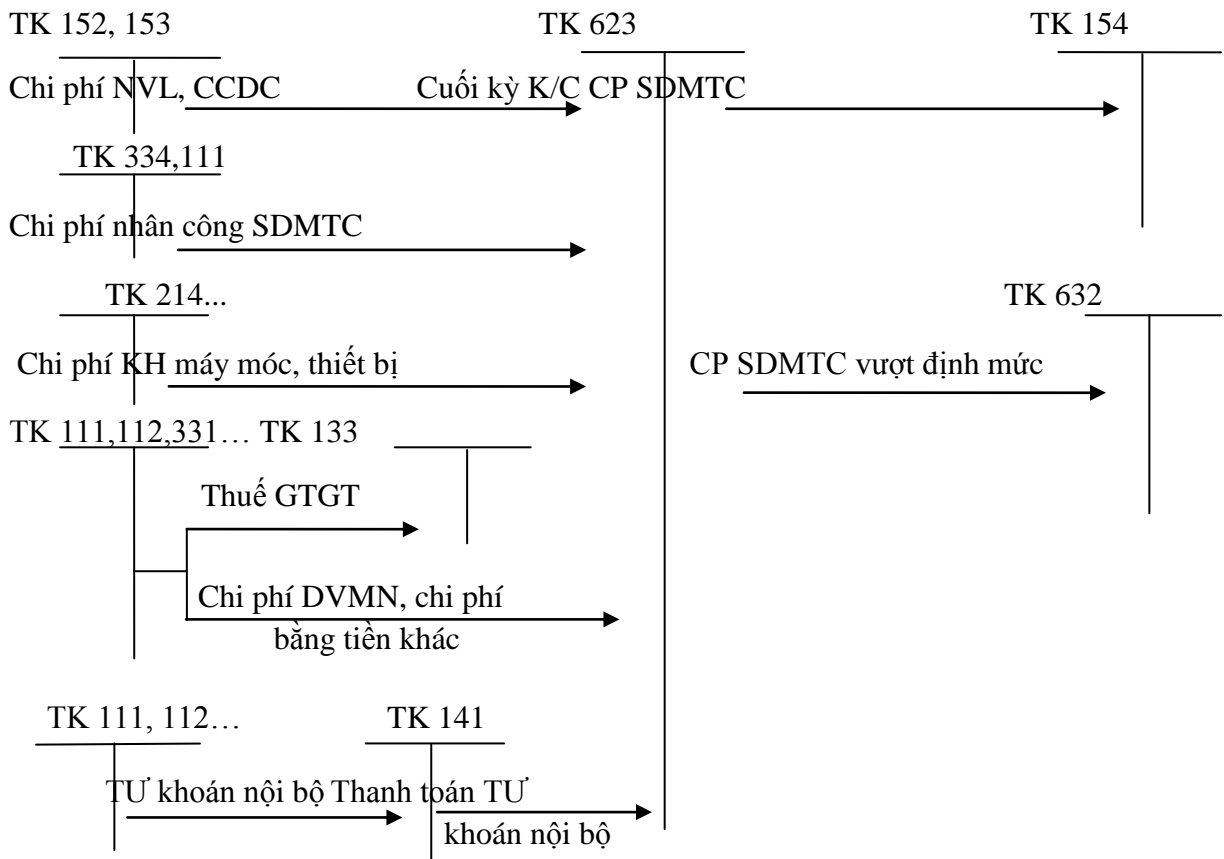
• **Phương pháp hạch toán:**

- Trường hợp 1: Nếu doanh nghiệp tổ chức các đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy có tổ chức kế toán riêng và cung cấp lao vụ lẫn nhau giữa các bộ phận. Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, TK 622, TK 627. Cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành ca máy.



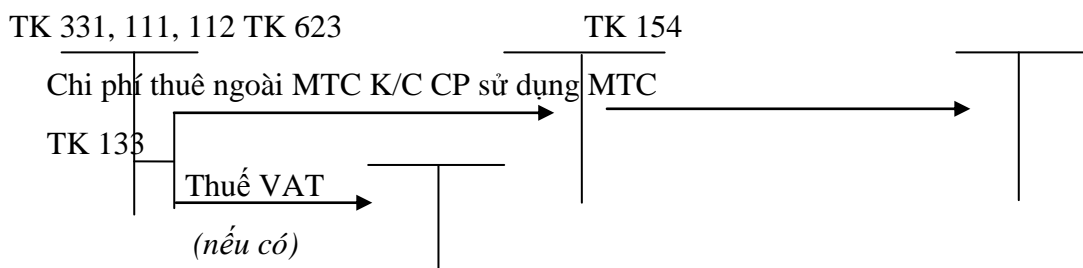
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công

- Trường hợp 2: Trường hợp doanh nghiệp có đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức hạch toán riêng. Trường hợp này các chi phí có liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ phân bổ hoặc kết chuyển theo từng đối tượng (công trình, HMCT)



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng MTC trong trường hợp có đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức hạch toán riêng

- Trường hợp 3: Thuê ngoài máy thi công



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công trường hợp thuê ngoài

1.3.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí trực tiếp phục vụ cho sản xuất của đội, công trình xây dựng nhưng không được tính trực tiếp cho từng đối tượng cụ thể. Chi phí sản xuất chung trong từng đội xây lắp bao gồm lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương của nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho đội, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng tổ, đội sản xuất và quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí, mặt khác chi phí sản xuất chung còn được tổng hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi.

Các khoản chi phí sản xuất chung thường được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí (tổ, đội...) cuối kỳ sẽ tiến hành phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo tiêu thức thích hợp.

- **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627 và các tài khoản khác liên quan như TK 111, 112, 331, 214, 334, 338, 1388,.....

- Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp 2:

- + TK 6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng

- + TK 6272 – Chi phí vật liệu

- + TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

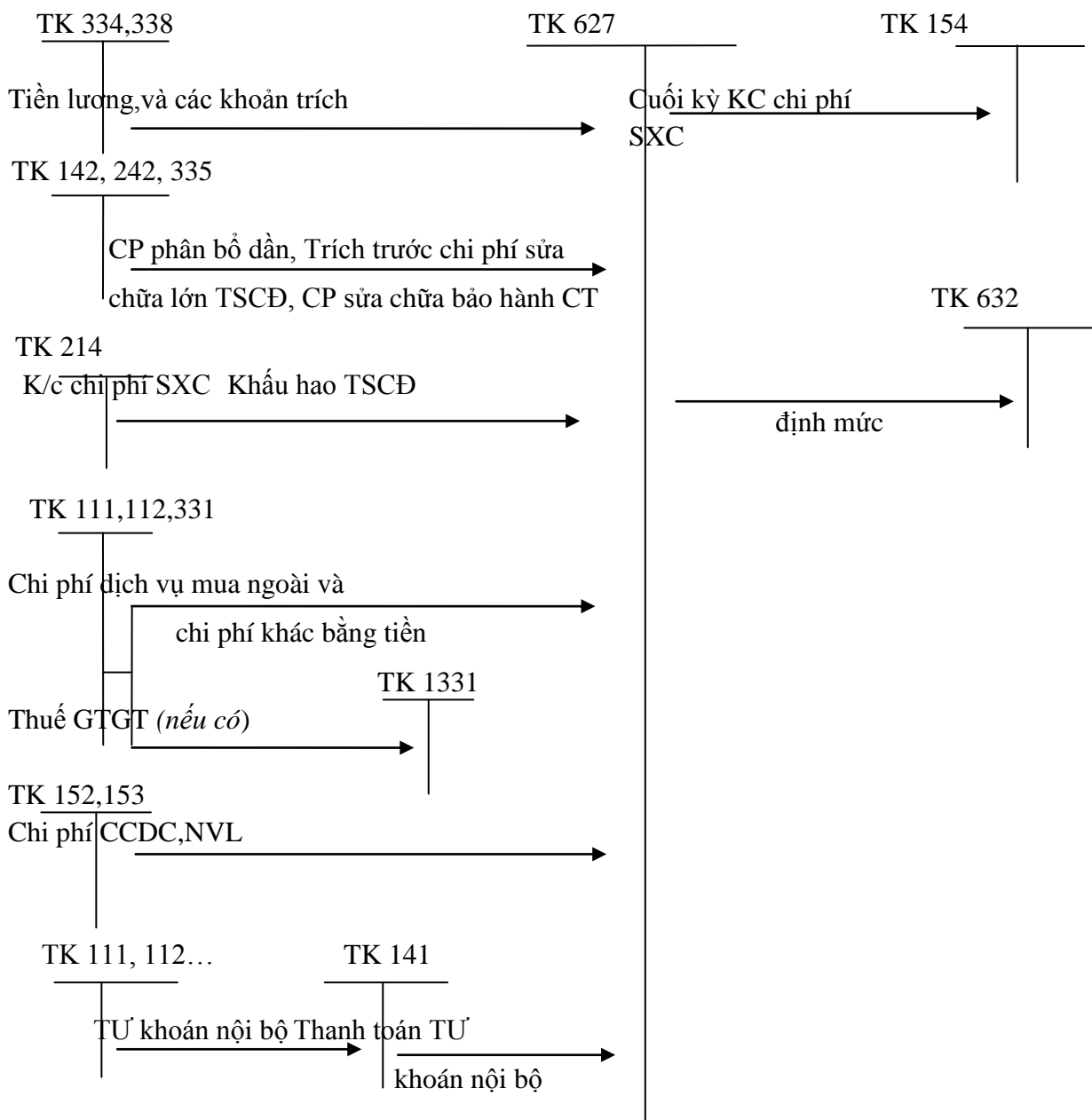
- + TK 6274 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

- + TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

- + TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

- **Chứng từ hạch toán:** Phiếu xuất kho; Hóa đơn mua hàng; Hóa đơn GTGT; Bảng chấm công; Bảng thanh toán lương; Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ; Bảng phân bổ tiền lương và phân bổ BHXH của công nhân sử dụng máy thi công; Phiếu chi....

- **Phương pháp hạch toán:** được thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung

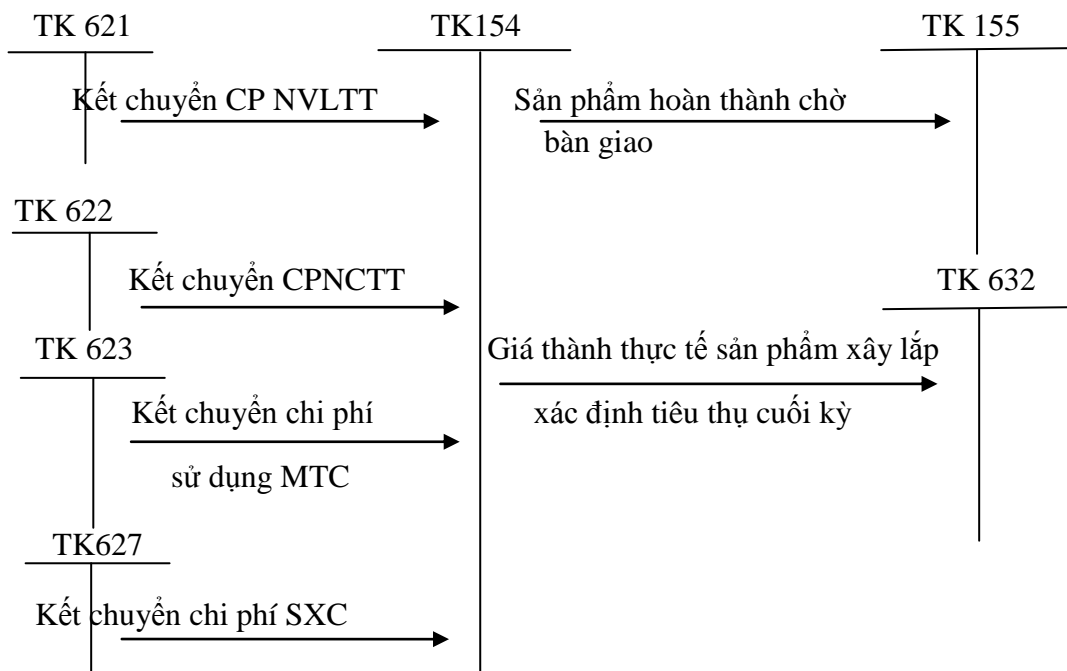
1.3.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm

Sau khi tiến hành tập hợp và phân bổ các loại chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, đến cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành tập hợp các chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm. Đối với doanh nghiệp xây lắp, CPSX thường được tiến hành tập hợp vào cuối kỳ để tính giá thành sản phẩm xây lắp hoặc sau khi công trình được hoàn thành toàn bộ.

Giá thành công trình, HMCT bao gồm toàn bộ các chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung

cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp CPSX phải được thực hiện theo từng công trình, HMCT theo các khoản mục chi phí đã quy định.

- **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí SXKD, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp, kế toán sử dụng Tài khoản 154 – “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
- **Chứng từ hạch toán:** Bảng tính giá thành, bảng tổng hợp chi phí xây lắp.....
- **Phương pháp hạch toán:** được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.8: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

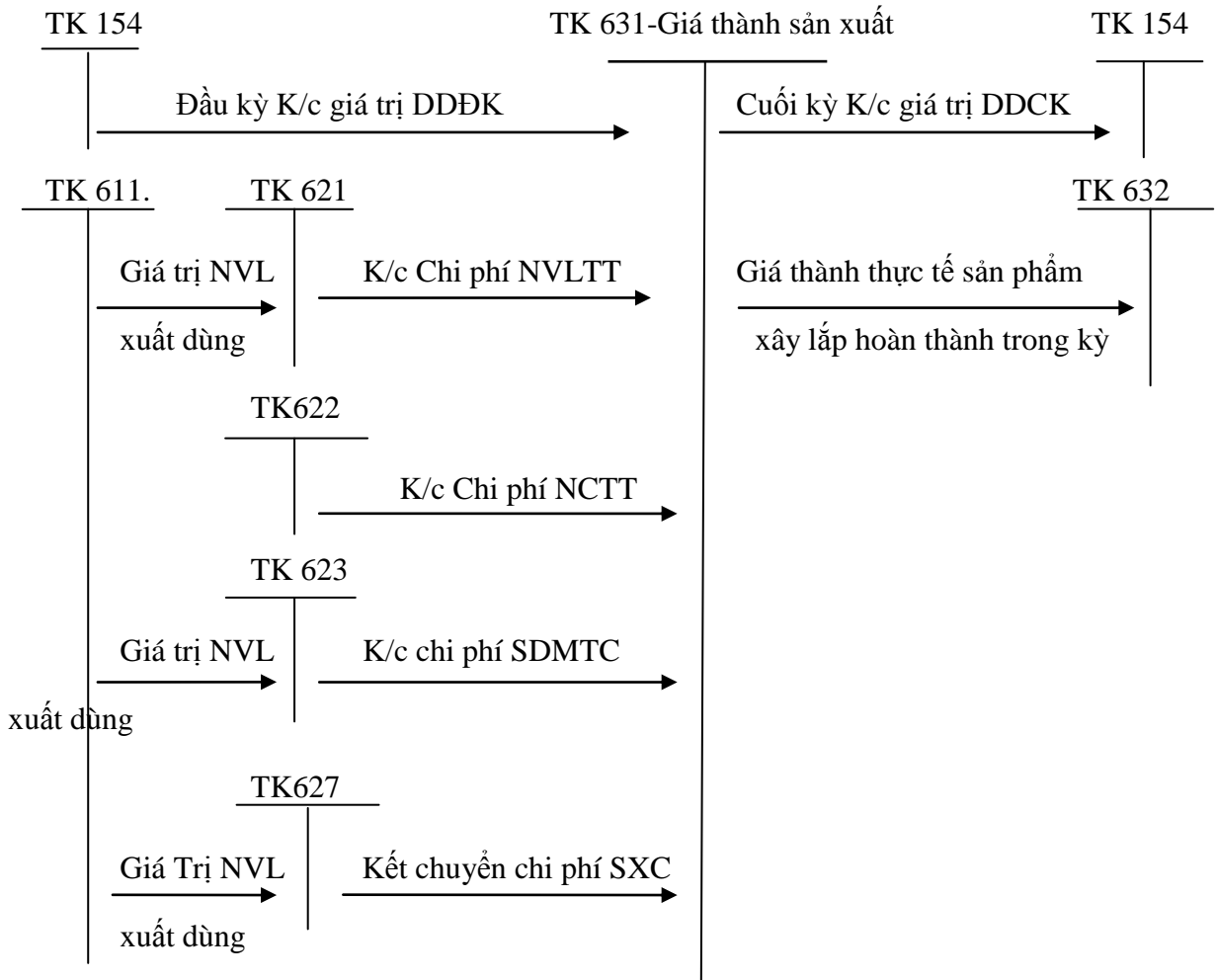
Theo phương pháp này, cuối kỳ các khoản chi phí sản xuất được tập hợp vào TK 631 “Giá thành sản phẩm” rồi từ đó tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Nội dung và kết cấu của TK này như sau:

Bên Nợ: Phản ánh Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ được kết chuyển từ TK 154 sang, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Bên Có: Phản ánh Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chuyển sang TK 154, tổng giá thành KLXL thực tế của công trình, HMCT hoàn thành trong kỳ.

TK này cuối kỳ không có số dư. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm.



Sơ đồ 1.9: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.3.3. Hạch toán các khoản thiệt hại trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.3.1. Thiệt hại do sản xuất sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất về màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, cách thức lắp ráp.

❖ Nguyên nhân gây ra sản xuất sản phẩm hỏng:

+ Do điều kiện khách quan: sự tác động của điều kiện tự nhiên như thời tiết xấu, thiên tai, hỏa hoạn.

+ Do lỗi của bên giao thầu (bên A), như tự ý thay đổi thiết kế hay một bộ phận thiết kế nào đó của công trình.

+ Do lỗi của bên nhận thầu (bên B) như tổ chức sản xuất không hợp lý, trình độ tay nghề non kém, chất lượng nguyên vật liệu không được đảm bảo, không quản lý thi công chặt chẽ...

❖ **Phân loại sản phẩm hỏng:**

Sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại: sản phẩm hỏng sửa chữa được và sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

+ Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được là sản phẩm có thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật và sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

+ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được là sản phẩm không thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật hoặc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

➤ **Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được:**

Tùy sản phẩm hỏng nằm trong định mức hoặc ngoài định mức mà chi phí sửa chữa được hạch toán vào những khoản mục chi phí sản xuất phù hợp với nội dung từng khoản chi phí sửa chữa để cuối kỳ kết chuyển vào giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

✓ **Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được**

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng (Phần đã thực hiện cần sửa chữa lại)

Có TK 154: Giá trị sản phẩm hỏng

2. Các chi phí phát sinh thêm trong quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng:

Nợ TK 621: (chi tiết sản phẩm hỏng): Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Có TK 152:

Nợ TK 622: (chi tiết sản phẩm hỏng): Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 334:

Nợ TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 152, 334, 214, 111...

Nợ TK 627 Chi phí sản xuất chung

Có TK 152, 334, 214, 111...

3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 154

Nợ TK 154: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

Có TK 621, 622, 623, 627

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

Nợ TK 152, 111, 112: Phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 154: Phần được tính vào giá thành sản phẩm

Nợ TK 811: Phần được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 (1388): Phần bồi thường phải thu

Nợ TK 334: Phần được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: (Chi tiết sản phẩm hỏng)

✓ *Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:*

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

Có TK 154: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

2. Xử lý thiệt hại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được tính vào chi phí khác.

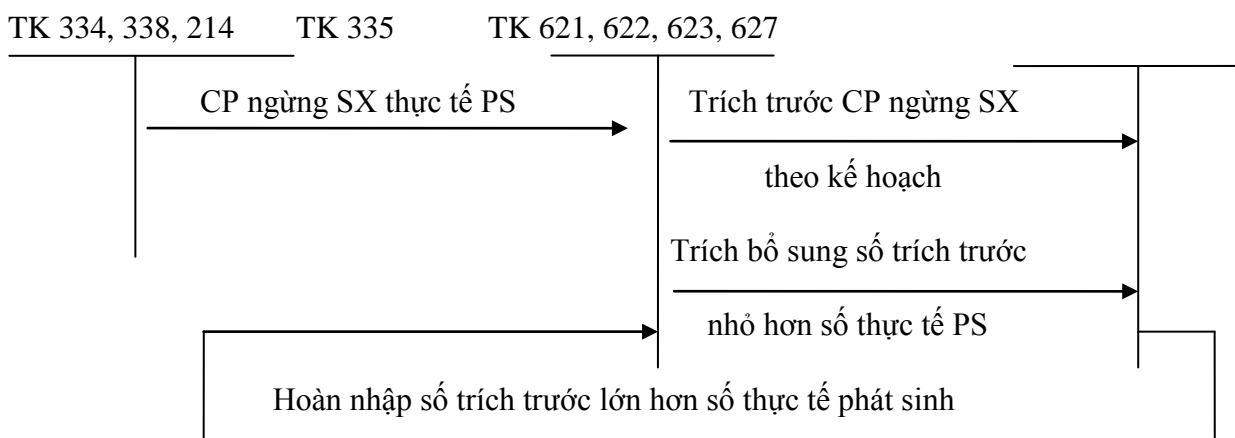
Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

1.3.3.2. Thiệt hại ngừng sản xuất

Trong thời gian ngừng sản xuất vì những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, thiếu nguyên vật liệu....) các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra một số khoản chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ chi phí bảo dưỡng... đó được coi là những thiệt hại khi ngừng sản xuất.

Thiệt hại ngừng sản xuất được chia làm 2 loại: theo kế hoạch dự kiến và ngừng sản xuất bất thường.

- Đối với ngừng sản xuất theo kế hoạch dự kiến:

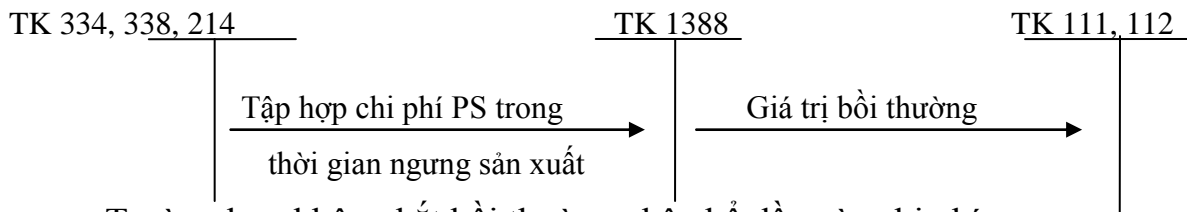


Sơ đồ 1.10: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất theo kế hoạch dự kiến

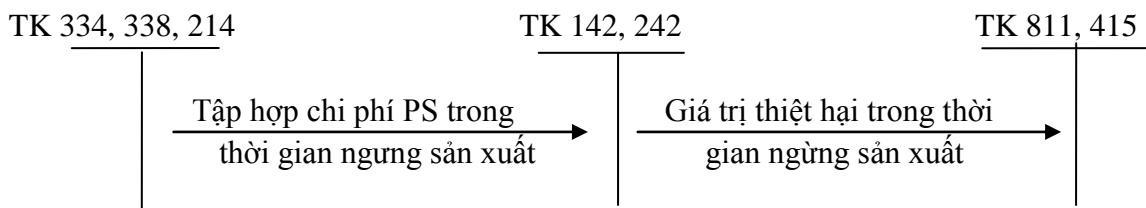
- Đối với ngừng sản xuất bất thường:

Khi có ngừng sản xuất bất thường, chi phí phát sinh được kế toán tập hợp vào TK 142, 242, 138...

- Trường hợp bắt bồi thường:



- Trường hợp không bắt bồi thường phân bổ dần vào chi phí:



Sơ đồ 1.11: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất bắt thường

1.3.4. Hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc thiết bị trong doanh nghiệp xây lắp

Máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng cho một hợp đồng xây dựng và TSCĐ này đã trích khấu hao hết trong thời gian thi công công trình. Khi thanh lý kế toán phản ánh các bút toán như sau:

+ **Bút toán 1:** Phản ánh số thu về thanh lý máy móc, thiết bị thi công, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, . . . tổng giá trị thanh lý

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp (33311)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Giá bán chưa có thuế GTGT). (làm giảm giá thành công trình)

+ **Bút toán 2:** Phản ánh chi phí thanh lý máy móc, thiết bị (nếu có), ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (làm tăng giá thành công trình)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (33311)

Có các TK 111, 112, . . . tổng giá thanh toán

+ **Bút toán 3:** Ghi giảm TSCĐ đã khấu hao hết là máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng đã thanh lý, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình.

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Theo chế độ kế toán hiện hành quy định mỗi doanh nghiệp có thể áp dụng thống nhất một trong các hình thức tổ chức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký- sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức phần mềm Kế toán máy

Để có cơ sở lý luận cho thực trạng áp dụng hình thức “Nhật ký chung” tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, em chỉ xin trình bày về đặc điểm sổ sách hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo hình thức hình thức “Nhật ký chung”

- **Sổ kế toán chi tiết**

Ngoài các loại sổ chi tiết phục vụ cho các phần hành khác, phần hành chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mở các sổ kế toán chi tiết sau:

_ Sổ chi tiết tài khoản 621, 622, 623, 627,154

- **Sổ kế toán tổng hợp**

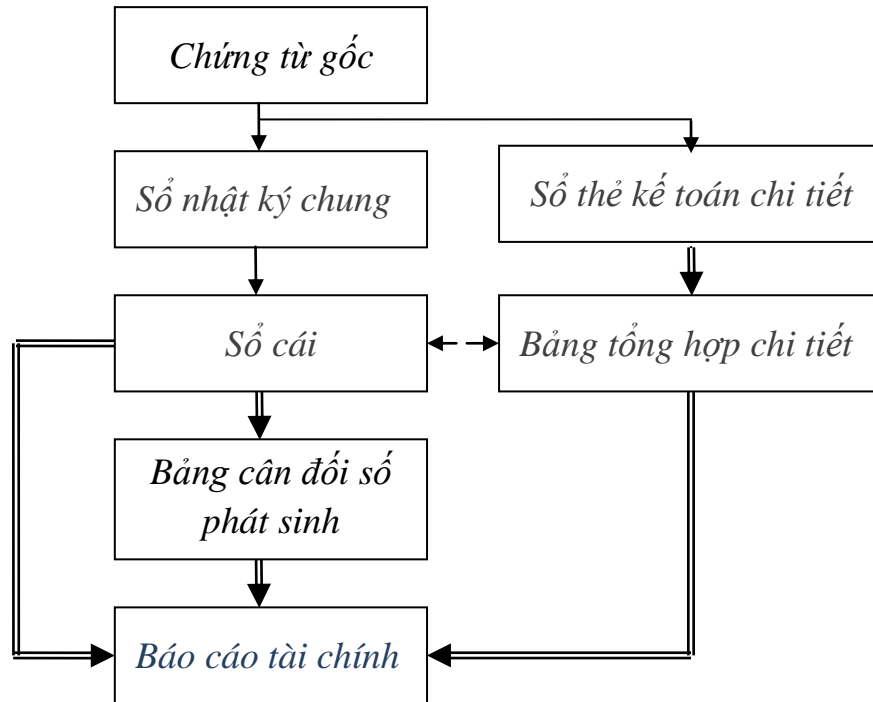
Sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

_ Nhật ký chung

_ Sổ cái các tài khoản liên quan(621, 622, 623, 627 ,154)

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị áp dụng hình thức Nhật ký chung được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo hình thức Nhật ký chung.



❖ Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: =====>

Quan hệ đối chiếu: <-- -->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản cho phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ kế toán chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết, kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo tài chính.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9 tiền thân là Công ty Bạch Đăng 9 được thành lập theo quyết định số 1694/QĐ-BXD ngày 19/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau đó Công ty Bạch Đăng 9 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng kí kinh doanh số 0203000698 ngày 02/02/2004 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Hiện nay công ty là công ty liên kết của Tổng Công ty Xây Dựng Bạch Đăng TMC.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9
- Tên giao dịch quốc tế: Bach Dang Investment and construction joint stocks company No.9
- Tên viết tắt: ICC BĐ9
- Địa chỉ: Thôn Song Mai, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.749.950
- Fax: 0313.850.539
- Website: www.bachdang9.com.vn
- Email: bachdangcc9@gmail.com
- Mã số thuế: 0200576143
- Người Đại diện: Ông **Dương Mạnh Hà**

Trong quá trình trưởng thành và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đăng 9 đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh, xây lắp cũng như trong điều hành công ty. Đến nay Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bạch Đăng 9 có một đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề có tay nghề cao được tuyển chọn kỹ, luôn tiếp thu những công nghệ tiên tiến cùng với sự năng động tiếp xúc với thị trường mới, Công ty đã ký được nhiều

hợp đồng xây dựng công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật... Vừa và lớn trong phạm vi cả nước góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và tích lũy của đơn vị.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bạch Đằng 9 nằm trong 5 đơn vị tiêu biểu đón nhận nhận Cờ Thi đua Xuất sắc của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng. Công ty có quyền tự hào khi chứng minh sự tồn tại vững vàng của mình trong “con bão” tài chính toàn cầu, đánh dấu một bước tiến đáng kể trên con đường vươn ra hội nhập với kinh tế nước nhà và toàn thế giới.

➤ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng có quy mô vừa và nhỏ.

- Tư vấn và quản lý dự án

Với số vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

- Tổng số cổ phần: 100.000

Danh sách cổ đông chính tại ngày 31/12/2014 như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	10.000	1.000.000.000	10
2	Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	42.106	4.210.600.000	42,106
3	Cổ đông khác	47.894	4.789.400.000	47,894

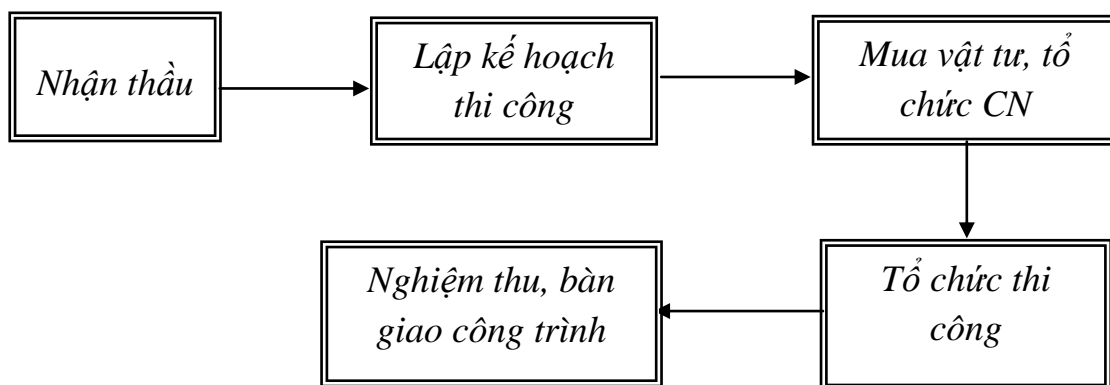
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 là một công ty mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản nên quá trình sản xuất mang tính liên tục đa dạng, kéo dài và phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau.

Mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, địa điểm thi công khác nhau. Do đó quy trình sản xuất kinh doanh của công ty là quá trình liên tục khép kín từ giai đoạn thiết kế đến giai đoạn hoàn thiện và bàn giao công trình. Các giai đoạn thực hiện công trình xây dựng của công ty được tiến hành tuần tự theo các bước sau:

- + Nhận thầu thông qua đấu thầu hoặc giao thầu trực tiếp (Chỉ định thầu).
- + Ký hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư công trình (Bên A).
- + Trên cơ sở hồ sơ thiết kế và hợp đồng xây dựng đã được ký kết, công ty tổ chức quá trình sản xuất thi công để tạo ra công trình hay hạng mục công trình.
- + Khoan sục, khảo sát địa hình, địa chất để lấy mặt bằng thi công.
- + Tổ chức lao động, bố trí máy móc thi công, cung cấp vật tư.
- + Xây dựng, lắp ráp hoàn thiện công trình.
- + Công trình được hoàn thành dưới sự giám sát của tư vấn giám sát, chủ đầu tư công trình về mặt kỹ thuật và tiến độ thi công.
- + Bàn giao công trình hoàn thành và quyết toán hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.

Quy trình công nghệ xây lắp



Công ty là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, mở tài khoản tại Ngân hàng và có con dấu riêng để hoạt động. Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật: về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty; về việc sử dụng các Giấy phép, Giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch; về việc góp vốn cổ phần quản lý, sử dụng và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.

Công ty có quyền tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kinh doanh và cam kết của mình với người lao động, với các khách hàng của mình.

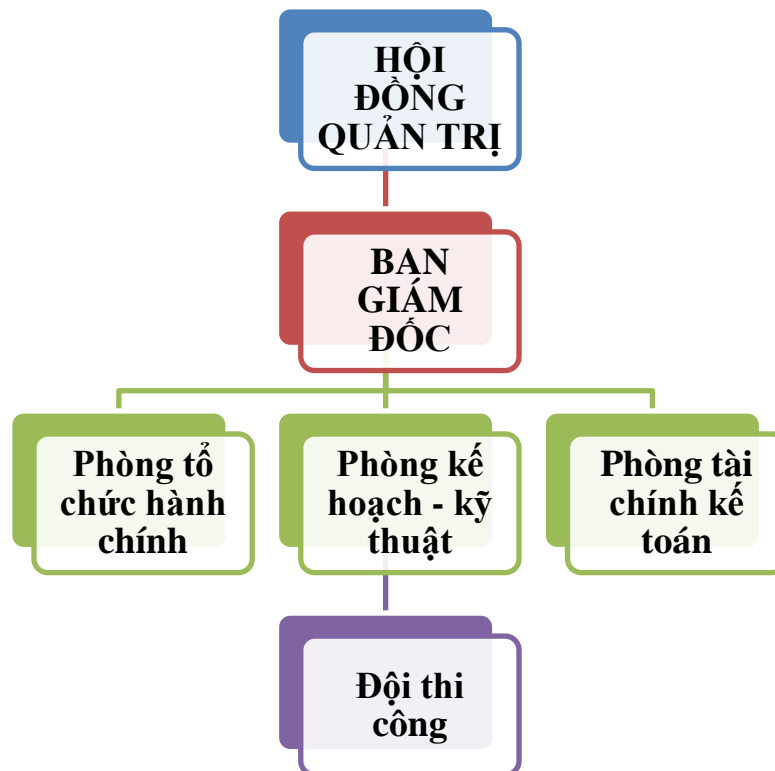
Công ty kinh doanh với mục tiêu:

Không ngừng phát triển các hoạt động xây lắp, thi công nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động; đảm bảo lợi ích của Công ty và làm tròn nghĩa vụ

với Nhà nước theo Luật định, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, Nhà nước và của địa phương; góp phần tạo ra sản phẩm cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội khác.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



Qua sơ đồ trên ta có một vài nhận xét như sau:

Bộ máy quản lý của công ty có kết cấu rất chặt chẽ, các phòng ban hoạt động nhịp nhàng ăn ý với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau hoạt động và cùng hướng tới mục đích cuối cùng là Công ty phát triển ngày càng tốt hơn, sau đây là nhiệm vụ của từng phòng ban:

Hội đồng quản trị: Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

Ban giám đốc: Quản lý chung về mọi mặt hoạt động của Công ty, làm nhiệm vụ giám sát điều hành tất cả các phòng ban hoạt động có hiệu quả và góp phần làm phát triển công ty, đưa công ty ngày càng đi lên.

Phòng tổ chức hành chính: Phụ trách quản lý thay giám đốc về mặt quân số nhân viên trong công ty, tình hình biến đổi lao động, tình hình sử dụng lao động và các chế độ khác liên quan đến nhân viên toàn công ty.

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Làm công tác kế hoạch về sản xuất, xây dựng, chi phí... cho công ty, giúp việc sản xuất, xây dựng dễ dàng và thuận lợi hơn.

Phòng kế toán tài chính: Có thể nói là phòng ban có nhiệm vụ quan trọng nhất trong doanh nghiệp, phòng này có chức năng hạch toán tất cả các số liệu có liên quan đến việc kinh doanh và phát triển của công ty, kinh nghiệm và cách tính toán chính xác của phòng kế toán sẽ là cơ sở để tính toán các khoản trong công ty: Chi phí, lợi nhuận, doanh thu...

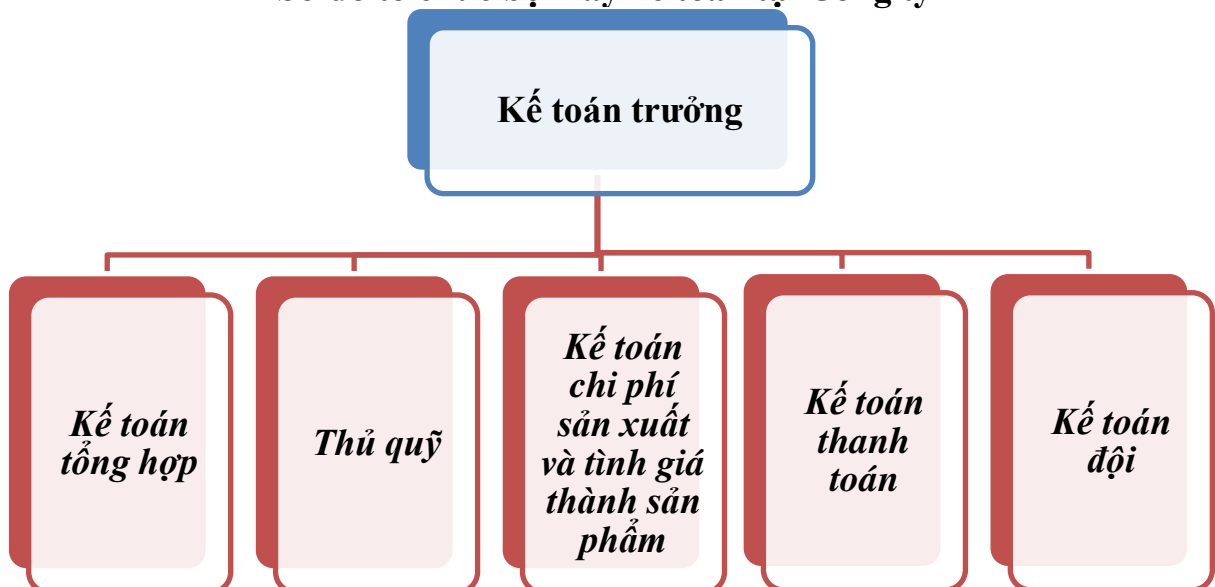
Đội thi công: thi công các công trình theo kế hoạch được giao, đảm bảo đúng, đủ về số lượng, chất lượng và thời gian, phân công công việc tới các tổ sản xuất. Căn cứ vào kế hoạch thi công được giao, cân đối thiết bị, NVL để tạo nhiều công trình có chất lượng tốt, uy tín. Báo cáo người quản lý trực tiếp khi có vấn đề xảy ra trong quá trình thi công.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán có quan hệ mật thiết với tình hình tổ chức công tác kế toán trong công ty. Xuất phát từ yêu cầu tổ chức sản xuất yêu cầu quản lý và trình độ quản lý Công ty tổ chức bộ máy kế toán hoạt động theo hình thức: Kế toán tập trung. Tức là toàn bộ công tác kế toán của Công ty được tiến hành tập trung tại một phòng ban chuyên môn là phòng kế toán trung tâm.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Nhiệm vụ của từng kế toán:

*** Kế toán trưởng:**

Giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác kế toán thống kê kinh tế và hạch toán kinh tế ở Công ty. Đồng thời còn làm nhiệm vụ kiểm soát viên kinh tế tài chính của nhà nước.

- Báo cáo trước đại hội CNVC về kết quả hoạt động tài chính .
- Báo cáo phân tích kết quả hạch toán theo từng thời điểm trước cán bộ chủ chốt.

*** Kế toán tổng hợp:**

- Tổng hợp các nghiệp vụ kế toán trong phòng tài vụ của công ty.
- Báo cáo cho trưởng phòng ghi nhận kết quả công việc phụ trách và những vướng mắc liên quan nghiệp vụ- kiến nghị đề xuất những biện pháp kịp thời để hoàn thiện nhiệm vụ đã phân công kể cả đột xuất.
- Lập báo cáo kế toán định kỳ.

*** Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

Theo dõi tập hợp các chi phí sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp và tính giá thành sản phẩm

*** Thủ quỹ:**

Có nhiệm vụ chi tiền mặt khi có quyết định của ban lãnh đạo và thu tiền vốn vay của các đơn vị, theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ chính xác tình hình tăng giảm và số tiền còn tồn kho tại quỹ.

*** Kế toán thanh toán:**

Có nhiệm vụ theo dõi các khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt hoặc các giao dịch với ngân hàng, quản lý, cấp phát hóa đơn cho công ty.

*** Kế toán đội:**

Theo dõi, tập hợp các khoản phát sinh tại đội thi công.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Hiện nay, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 cùng năm.

Để đảm bảo theo dõi và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, chính xác, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên đối với kế toán tổng hợp hàng tồn kho, trị giá vốn thực tế vật tư xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.

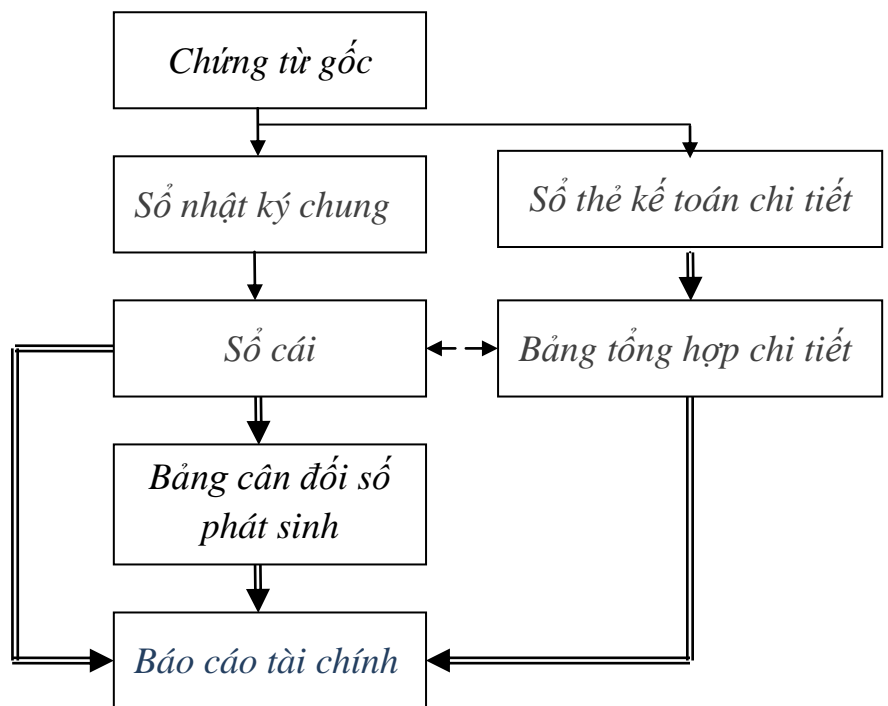
Công ty thực hiện tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Khấu hao Tài sản cố định của công ty được tính theo phương pháp đường thẳng.

Đơn vị tiền tệ được áp dụng để ghi chép là VNĐ.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: ⇨

Quan hệ đối chiếu: ↔

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán

Hiện nay, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 sử dụng hệ thống tài khoản và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hệ thống tài khoản của công ty bao gồm các tài khoản cấp 1 và tài khoản cấp 2, các tài khoản trong bảng cân đối kế toán và các tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán theo quy định hiện hành.

Chứng từ kế toán:

Đối với phần hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, chứng từ dùng làm căn cứ để ghi sổ kế toán là:

- + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng
- + Bảng kê (Bảng kê vật tư, dịch vụ mua ngoài.....)
- + Bảng phân bổ (Bảng phân bổ chi phí SXC, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương)
- + Bảng chấm công
- + Bảng thanh toán lương

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình kinh tế, tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính của năm được lập và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước chậm nhất là 31/03 của năm sau.

Các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 do Kế toán trưởng lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký và đóng dấu. Hệ thống báo cáo của công ty bao gồm:

- | | | |
|----|--------------------------------------|-----------------|
| 1. | Bảng Cân đối kế toán | - Mẫu số B01-DN |
| 2. | Bảng Cân đối tài khoản | - Mẫu số F01-DN |
| 3. | Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | - Mẫu số B02-DN |
| 4. | Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | - Mẫu số B03-DN |
| 5. | Bản Thuyết minh báo cáo tài chính | - Mẫu số B09-DN |
| 6. | Tờ khai tự quyết toán Thuế TNDN | - Mẫu 03/TNDN |

2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất

Việc quản lý chi phí sản xuất không chỉ đơn thuần là quản lý số liệu phản ánh tổng hợp chi phí mà phải dựa trên cả các yếu tố chi phí riêng biệt để phân tích toàn bộ chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình hay theo nơi phát sinh chi phí. Dưới các góc độ xem xét khác nhau, theo những tiêu chí

khác nhau thì chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các cách khác nhau để đáp ứng yêu cầu thực tế của quản lý và hạch toán.

Theo quy định hiện hành, giá thành công trình, HMCT bao gồm các khoản mục chi phí sau :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung).

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương trả cho công nhân trực tiếp xây lắp.

- Chi phí sử dụng máy thi công: bao gồm chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng xây lắp bằng máy.

- Chi phí sản xuất chung: phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, công trường, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội xây lắp.

2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

❖ Đối tượng tập hợp CPSX

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại công ty được xác định là từng công trình hay hạng mục công trình. Mỗi công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho tới khi hoàn thành bàn giao đều được theo dõi chi tiết trên Sổ chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình đó.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Tại công ty, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được tiến hành tập hợp riêng cho từng công trình hay HMCT còn chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được tập hợp chung và tiến hành phân bổ gián tiếp vào cuối kỳ theo giá trị khối lượng xây lắp dự toán.

Do phạm vi hoạt động của Công ty rộng, thi công nhiều công trình, HMCT, phương pháp kế toán tập hợp CPSX cho từng công trình là giống nhau nên để đảm bảo tính khái quát, trong khuôn khổ khóa luận tốt nghiệp này em xin lấy số liệu của Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01” để minh họa.

2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí vật liệu trong xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng tương đối lớn từ 60 - 70% giá trị dự toán do đó việc hạch toán khoản mục này là hết sức quan trọng cần phải quản lý tốt từ khâu thu mua, bảo quản và khi đưa ra sử dụng. Việc chất lượng công trình có đảm bảo hay không là do vật liệu có đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng hay không. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong xây lắp của công ty bao gồm:

- Vật liệu chính như: Xi măng, cát, sỏi, sắt, thép, gạch, đá,.....
- Vật liệu phụ và vật liệu khác: Đinh, dây buộc, cọc,....
- Nhiên liệu: Củi, xăng, dầu chạy máy,...

Do địa điểm xây dựng luôn thay đổi theo địa bàn thi công công trình, vì vậy mà công ty tiến hành tổ chức kho tại địa bàn thi công công trình nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển và tiết kiệm chi phí. Còn khi, công ty cấp nguyên vật liệu cho đội thi công thì công ty mua và chuyển thẳng cho công trường. Tại công trường thi công công trình căn cứ vào tiến độ thi công của công trình để khảo sát giá, lựa chọn nhà cung ứng vật tư cho công trình theo tiến độ thi công.

❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho; Phiếu nhập kho; Phiếu yêu cầu vật tư; Giấy đề nghị tạm ứng; Phiếu chi; Ủy nhiệm chi; Hóa đơn giá trị gia tăng; Hóa đơn bán hàng; Hợp đồng kinh tế; Biên bản giao nhận vật tư.

❖ **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 – “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. TK 621 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

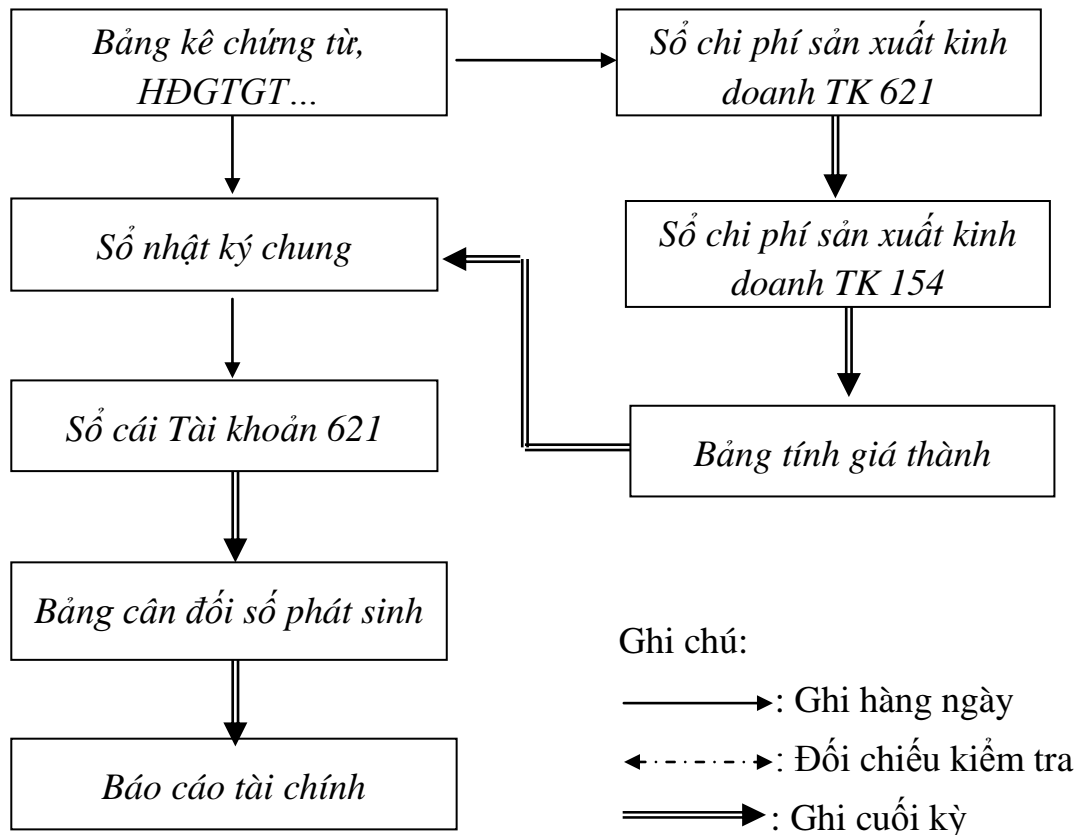
TK 6211- Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”

TK 6212 – Công trình “Khu nhà ở Đập Minh Đức”

.....

❖ Quy trình và phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.1: Quy trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 30/07/2014, mua vật tư của DNTN Duy Linh chưa thanh toán, xuất thẳng cho công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01” để thi công, số tiền là 140.171.460 đồng (chưa có VAT). Kế toán ghi vào sổ theo định khoản:

Nợ TK 621: 140.171.460

Nợ TK 133: 14.017.146

Có TK 331: 154.188.606

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 621 – theo dõi Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01” (**Biểu số 2.2**); đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.3**). Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 621 (**Biểu số 2.4**); TK133, TK 331.

Biểu số 2.1: Hóa đơn mua vật tư

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ki hiệu hóa đơn: AK/14P
 Liên 2: Giao khách hàng Số hóa đơn: 0008634
 Ngày 30 tháng 07 năm 2014

Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DUY LINH

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong - Đông Thái - An Dương - Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 0200793733

Họ tên người mua hàng: Lê Văn Phi

Tên đơn vị: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & XD BẠCH ĐĂNG 9**

Địa chỉ: Thôn Song Mai – Xã An Hồng – Huyện An Dương – TP.Hải Phòng

Mã số thuế: 0200576143

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 2*1
1	Thép cuộn phi 8	kg	2.074	15.574	32.300.476
2	Thép cây phi 10	kg	416	15.574	6.478.784
3	Thép cây phi 18	kg	6.552	15.475	101.392.200
	*	*	*	*	*
Cộng tiền hàng:					140.171.460
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			14.017.146
Tổng cộng tiền thanh toán					154.188.606

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm năm mươi tư triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm linh sáu đồng chẵn.*

Người mua hàng*(Ký, ghi rõ họ tên)***Người bán hàng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.2**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH TK 621 (6211)****Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014**

Số hiệu: 6211 “Công trình Nước sạch Tràng Cát – TC 01”

Đơn vị tính: đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 621				
					Chia ra				
					Gạch chỉ	Cát	Xi măng	...	Thép
								
HD0008634	30/07/2014	Mua vật liệu phục vụ thi công	331	140.171.460					140.171.460
HD1352752	31/07/2014	Mua gạch 2 lỗ A1 phục vụ thi công	331	63.400,000	63.400.000				
...		
PC589/14	20/08/2014	Mua cát vàng phục vụ thi công	111	10.200.000		10.200.000			
BN321	21/08/2014	Mua xi măng chinfon PC 30 phục vụ thi công	112	17.318.182			17.318.182		
.....
		Cộng phát sinh quý III		1.682.422.952	108.256.483	104.335.276	408.363.200		536.325.256

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
					
30/7	HĐ 0008643	30/7	Mua vật tư xuất thẳng cho công trình	621	140.171.460	
				133	14.017.146	
				331		154.188.606
31/7	PX70/TC	31/7	Xuất kho vật liệu phục vụ công trình TC - 01	621	32.300.476	
				152		32.300.476
31/7	HĐ 1352752	31/7	Mua gạch 2 lỗ A1 phục vụ thi công	621	63.400.000	
				133	6.340.000	
				331		69.740.000
					
20/8	PC589/14	20/8	Mua cát vàng phục vụ thi công	621	10.200.000	
				133	1.020.000	
				111		11.220.000
					
27/8	GBN1134	27/8	Trả tiền mua đá hộc cho công ty Phong Cảnh	331	111.303.500	
				112		111.303.500
					
			Cộng SPS		268.379.425.295	268.379.425.295

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

KT trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 621**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CÁI**

Tên TK: Chi phí NVL trực tiếp

Số hiệu: 621

Từ ngày 01/07/2014 đến 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
					
30/7	HD 0008634	30/7	Mua NVL xuất thẳng cho công trình TC - 01	331	140.171.460	
31/7	PX70/TC	31/7	Xuất kho vật tư phục vụ công trình TC - 01	152	32.300.476	
					
15/8	PX74/TC	15/8	Xuất U sắt 4x10cm	152	1.260.000	
					
20/8	PC589/14	20/8	Mua cát vàng phục vụ thi công	111	10.200.000	
					
30/9	PKT43/14	30/9	Kết chuyển chi phí NVLTT quý III	154		2.988.328.155
			Công SPS quý III		2.988.328.155	2.988.328.155

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

KT trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.4. *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

Với đặc thù là doanh nghiệp xây lắp nên điều kiện thi công là sự kết hợp giữa máy móc với lao động thủ công nên chi phí nhân công cũng là một trong những khoản mục chi phí chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp. Việc hạch toán đầy đủ chi phí nhân công có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác quản lý chi phí sản xuất.

Hiện nay, tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, số lao động trong biên chế chiếm tỷ trọng nhỏ và chủ yếu để thực hiện những công việc quản lý kỹ thuật, giám sát ... Còn lại số lao động trực tiếp là lao động thuê ngoài.

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty là số tiền phải trả cho lao động thuê ngoài trực tiếp tham gia xây lắp để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Nó không bao gồm khoản tiền lương phải trả cho công nhân điều khiển máy và nhân viên quản lý đội.

Hình thức trả lương cho toàn bộ lao động trực tiếp thuê ngoài của công ty dựa vào hình thức lương khoán.

Dựa vào khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, đội, đội trưởng tổ công nhân nhận khoán đơn đốc công nhân trong tổ thực hiện phần việc được giao, bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình lao động của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho công nhân trong tổ.

Theo phương thức này tiền lương của một công nhân xây lắp được tính theo công thức sau:

$$\frac{\text{Tiền lương của một công nhân trực tiếp xây lắp}}{\text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng một công nhân}} \times \text{Đơn giá công}$$

Trong đó:

- Số ngày làm việc thực tế trong tháng được lấy trên bảng chấm công.
- Đơn giá công được xác định dựa trên thỏa thuận giữa người nhận khoán và người lao động.

❖ **Chứng từ sử dụng:** Hợp đồng lao động, Hợp đồng giao khoán, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng tổng hợp thanh toán lương, Bảng phân bổ lương, Giấy tạm ứng, Phiếu chi....

❖ **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 622 – “Chi phí nhân công trực tiếp”. Toàn bộ chi phí nhân công được tập hợp vào bên Nợ tài khoản 622. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, HMCT như sau:

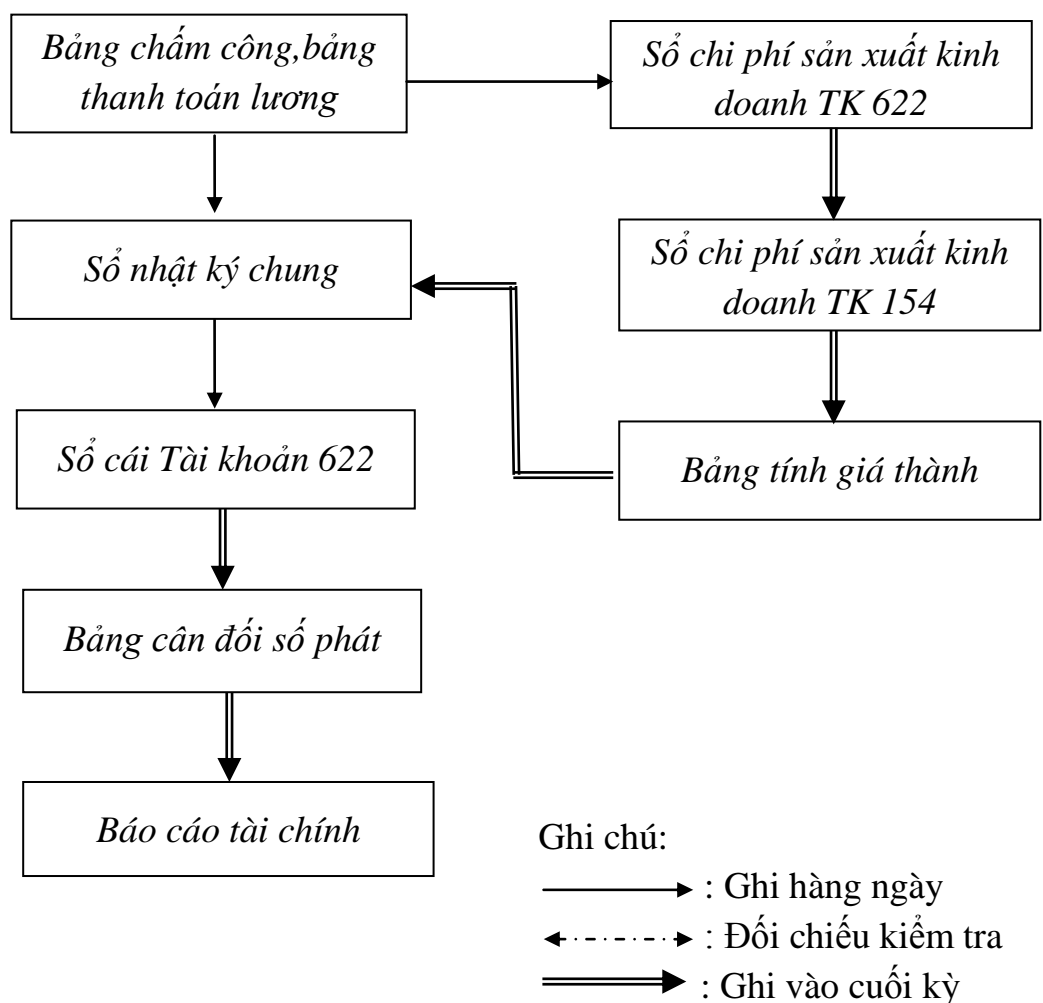
TK 6221- Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”

TK 6222 – Công trình “Khu nhà Đập Minh Đức”

.....

❖ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.2: Quy trình tập hợp chi phí nhân công trực tiếp



Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Ví dụ về chi phí nhân công trực tiếp tháng 9/2014 của công trình Nước sạch Tràng Cát – TC 01.

Cuối tháng, kế toán đội gửi về công ty bộ chứng từ: Hợp đồng giao khoán (biểu 2.5), bảng chấm công (biểu 2.7), bảng chia lương (biểu 2.8), căn cứ vào

các chứng từ trên, kế toán công ty kiểm tra bộ chứng từ chứng từ và ghi vào sổ chi tiết tài khoản 622 theo dõi cho công trình “Nước sạch Trảng cát – TC 01” (**biểu 2.10**) theo định khoản sau:

Nợ TK 622:	230.750.000
Có TK 334:	230.750.000

Tiếp đó, từ số liệu trên bảng thanh toán lương, kế toán lập bảng tổng hợp tiền lương tháng 9 năm 2014 cho toàn công ty (**Biểu 2.9**). Từ bảng tổng hợp tiền lương toàn công ty kế toán ghi vào Nhật ký chung (**biểu 2.11**), đồng thời Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 622 (**biểu 2.12**), tài khoản 334.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ Cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết cuối kỳ lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.5: Hợp Đồng giao khoán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN NHÂN CÔNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11...
- Căn cứ nhu cầu sử dụng nhân lực thi công tại công trình...
- Căn cứ năng lực của tổ công nhân.

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2014, tại trụ sở BCH công trường “*Nước sạch Trảng Cát – TC 01*”, chúng tôi gồm các bên như sau:

I.BÊN GIAO KHOÁN: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Đại diện Ông: Dương Mạnh Hà

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại:

II.BÊN NHÂN KHOÁN: Tổ công nhân Nguyễn Xuân Thành

Đại diện Ông: Nguyễn Xuân Thành

Chức vụ: Tổ trưởng

Nghề nghiệp:

CÁC BÊN THỎA THUẬN VÀ NHẤT TRÍ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

Điều 1: Công việc, khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng

- Ban chỉ huy công trường có nhu cầu và Tổ nhân công cam kết có đủ khả năng, kinh nghiệm để nhận thi công các hạng mục xây dựng theo hình thức: Khoán gọn một số hạng mục (có bảng kê khối lượng công việc và đơn giá kèm theo)
- Đơn giá thanh toán theo biên bản giao khoán khối lượng công việc.
- Tổng giá trị hợp đồng: Theo thực tế.

Điều 2: Chất lượng công việc và các nhu cầu năng lực, kỹ thuật.
.....**Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện**

- Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 09 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014.
- Tiến độ thực hiện: Bên thuê sẽ chủ động điều phối tiến độ thi công chung toàn công trường để tổ nhân công phát huy hết năng lực.

Điều 4: Thanh toán hợp đồng

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt
- Thời hạn thanh toán: Trong quá trình thi công bên nhận khoán sẽ được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thi công, hàng tháng bên giao khoán sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng đã thi công để thanh toán cho bên nhận khoán.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên
.....**Điều 6: Những thỏa thuận khác**
.....**BÊN GIAO KHOÁN****BÊN NHẬN KHOÁN**

Biểu số 2.6

Bảng kê khối lượng công việc giao khoán
 Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá	Khối lượng	Thời gian		Thành tiền
					Bắt đầu	Kết thúc	
1	Khoan ống dẫn nước	m ³	8.000	1.000	1/9	30/9	8.000.000
2	Đổ bê tông mái dạp	m ³	60.000	100	1/9	30/9	6.000.000
3	Lát đá khung dầm kê	m ³	70.000	100	1/9	30/9	7.000.000
...
	Cộng						230.750.000

Đại diện bên giao khoán

(Ký, họ tên)

Đại diện bên nhận khoán

(Ký, họ tên)

Biểu Số 2.7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9

Đội xây dựng số 1

BẢNG CHẤM CÔNG

Công nhân trực tiếp sản xuất

Tháng 09 năm 2014

ST T	Họ và tên	Cấp bậc	Ngày trong tháng						Tổng số ngày làm
			01	02	03	...	29	30	
1	Nguyễn Tuấn Cường	ĐP	x	x	x	..	x	x	23
2	Nguyễn Xuân Thành	ĐT	x	x	x	...	x	x	22,5
3	Phạm Thế Anh	CN	x	o	x	...	x	x	23
4	Đặng Văn Hà	CN	x	x	x	...	x	o	24,5
5	Ân Thanh Tú	CN	x	o	x	..	x	x	24
..

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Phụ trách đội

(Ký, họ tên)

Người chấm công

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9**

Đội xây dựng số 1

BẢNG CHIA LƯƠNG**Công trình:** “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”**Tổ:** Nguyễn Xuân Thành**Thời gian:** Tháng 9 năm 2014

<i>ST T</i>	<i>HỌ TÊN</i>	<i>TỔNG SỐ CÔNG</i>	<i>TIỀN LƯƠNG 1 NGÀY</i>	<i>THÀNH TIỀN</i>	<i>KÝ NHẬN</i>
1	Nguyễn Tuấn Cường	23	180.000	4.140.000	
2	Nguyễn Xuân Thành	22,5	190.000	4.275.000	
3	Phạm Thế Anh	23	165.000	3.795.000	
4	Đặng Văn Hà	24,5	165.000	4.042.500	
5	Ân Thanh Tú	24	160.000	3.840.000	
	...				

Tổng tiền lương của tổ: 230.750.000đ*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.***Người lập***(Ký, họ tên)***Đội trưởng***(Ký, họ tên)*

Từ số liệu trên bảng thanh toán lương cho CNTT, công nhân vận hành máy và quản lý đội, quản lý doanh nghiệp, kế toán lập bảng tổng hợp tiền lương tháng 9 năm 2014 cho toàn công ty (**Biểu 2.9**).

Biểu 2.9: Trích bảng tổng hợp tiền lương toàn công ty**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG TOÀN CÔNG TY**

Tháng 9 năm 2014

Ghi có TK Ghi Nợ TK	TK 334	TK 338 Tính vào chi phí				
		BHXH 18%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng
TK 622	570.360.000					
CT Nước sạch Trảng Cát	230.750.000					
CT Khu nhà ở Đập Minh Đức	96.785.000					
.....		
TK 623	51.280.000					
TK 627	61.630.500	7.493.490	1.248.915	416.305	832.610	9.991.320
TK 642	73.750.000	9.135.000	1.522.500	507.500	1.015.000	14.180.000
Cộng	757.020.500	16.628.490	2.771.415	923.805	1.847.610	24.171.320

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Căn cứ vào bảng tổng hợp lương toàn công ty tháng 9 (**Biểu 2.9**), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**Biểu 2.11**), từ nhật ký chung tiến hành ghi sổ cái TK 622 (**Biểu 2.12**)

Biểu 2.10**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 6221

Tên công trình: “*Nước sạch Trùng Cát - TC 01*”

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
				Nợ	Có
BL07/14	31/07	Chi phí lương công nhân tháng 7	334	94.080.000	
BL08/14	31/08	Chi phí lương công nhân tháng 8	334	120.580.000	
BL09/14	30/09	Chi phí lương công nhân tháng 9	334	230.750.000	
K/C	30/09	Kết CP NCTT quý III	154		445.410.000
		Cộng SPS quý III		445.410.000	445.410.000

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
					
31/7	HĐ 1352752	31/7	Mua gạch 2 lô A1 phục vụ thi công	621	63.400.000	
				133	6.340.000	
				331		69.740.000
					
20/8	PC589/14	20/8	Mua cát vàng phục vụ thi công	621	10.200.000	
				133	1.020.000	
				111		11.220.000
					
30/9	BTHL09	30/9	Chi phí lương công nhân tháng 9	622	570.360.000	
				623	51.280.000	
				627	61.630.500	
				642	73.750.000	
				334		757.020.500
30/9	BTHL09	30/9	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	627	9.991.320	
				642	14.180.000	
				334	5.854.953	
				338		30.017.273

			Cộng SPS		268.379.425.295	268.379.425.295

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

KT trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí NCTT

Số hiệu tài khoản: 622

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
				Nợ	Có
BTHL07	31/07	Chi phí lương công nhân tháng 7	334	304.200.000	
BTHL08	31/08	Chi phí lương công nhân tháng 8	334	274.080.000	
BTHL09	30/09	Chi phí lương công nhân tháng 9	334	570.360.000	
PKT43	30/09	Kết CP NCTT	154		1.148.640.000
		Cộng phát sinh		1.148.640.000	1.148.640.000

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)***2.2.1.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác có liên quan đến quá trình sử dụng máy cho các công trình xây lắp.

Chi phí sử dụng máy thi công là loại chi phí đặc thù chỉ có trong doanh nghiệp xây lắp. Do khối lượng công việc diễn ra trên quy mô lớn nên việc sử dụng máy thi công là một yếu tố rất quan trọng để tăng năng suất lao động và đảm bảo tiến độ thi công, hạ giá thành sản phẩm và giữ vững chất lượng công trình.

Để phục vụ cho nhu cầu sản xuất thi công, công ty đã giao việc quản lý máy thi công cho từng đội thi công quản lý các máy như: Máy lu, Máy là mặt bê tông, Máy khoan bê tông, Máy khoan đá, Máy đầm cóc, Máy xúc lật nhỏ, Máy trộn bê tông.....

Chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong kỳ được tập hợp chung cho toàn công ty, cuối kỳ mới tiến hành phân bổ theo tiêu thức phù hợp.

Hiện tại, Công trình Nước sạch Tràng Cát ngoài việc sử dụng những máy móc thiết bị hiện có tại công trường còn phải điều động từ các công trường thi công khác các máy móc, thiết bị như: Máy xúc đào bánh xích Shu Mo, Máy ủi Komatsu, Máy lu Trung Quốc, Máy trộn bê tông 20m³/h, Xe FAW 16L-7132,.....

❖ **Chứng từ sử dụng:** Bảng chấm công; Bảng thanh toán lương; Bảng tính và phân bổ khấu hao; Bảng kê chứng từ; Bảng Tổng hợp thanh toán lương; Bảng phân bổ lương; Hóa đơn giá trị gia tăng.

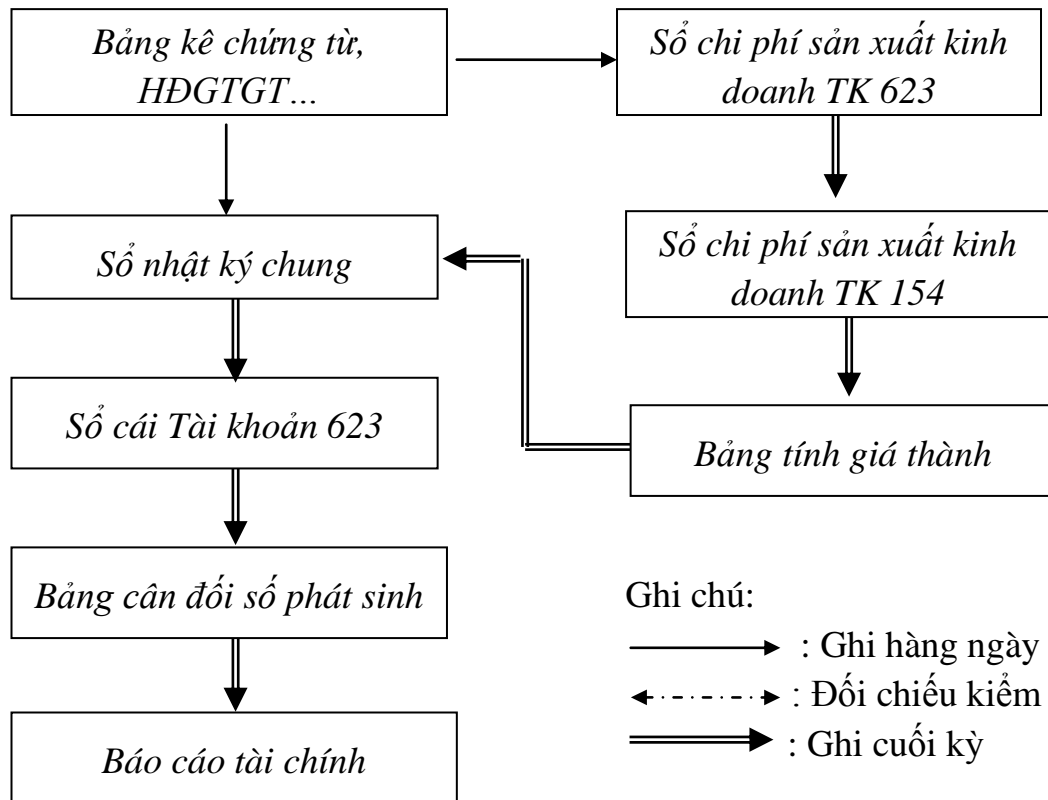
❖ **Tài khoản sử dụng:** Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công kế toán sử dụng tài khoản 623- “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 có các tài khoản cấp 2:

- + TK 6231 – Chi phí nhân công
- + TK 6232 – Chi phí vật liệu
- + TK 6233 – Chi phí dụng cụ
- + TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công
- + TK 6237 – Chi phí dịch vụ thuê ngoài
- + TK 6238 – Chi phí bằng tiền khác

❖ **Quy trình hạch toán:**

Quá trình tập hợp chi phí MTC được diễn ra như sau:

Sơ đồ 2.3: Quy trình tập hợp chi phí sử dụng máy thi công



Định kỳ hàng tháng, kế toán đội gửi các chứng từ từ các đội thi công lên phòng kế toán của công ty. Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, tiến hành ghi vào các sổ có liên quan: Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 623.

Tiền lương công nhân lái máy: Tương tự như quy trình luân chuyển và hạch toán chi phí lương công nhân trực tiếp. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương, Bảng tổng hợp thanh toán lương, Bảng phân bổ lương của công nhân trong tổ lái xe, lái máy do đội thi công đưa lên. Kế toán tại công ty hạch toán, ghi có cho TK 334.

*Tiền lương phải trả cho công nhân điều khiển máy được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Tiền} \\
 \text{lương} \\
 \text{phải trả} \\
 \text{trong} \\
 \text{tháng}
 \end{array}
 = \frac{\text{Mức lương khoán}}{\text{Số ngày theo quy định}} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{làm việc} \\ \text{trong} \\ \text{tháng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{phụ cấp} \end{array}$$

Các khoản phụ cấp bao gồm:

- Phụ cấp tiền ăn ca + đi lại : 650.000
- Phụ cấp trách nhiệm (Nếu có)

- Chi phí sửa chữa máy thi công: Việc sửa chữa máy thi công có thể do công ty điều động người từ phòng kỹ thuật cơ giới tới sửa chữa vì vậy mà chi phí sửa chữa máy thi công dựa trên bảng kê vật tư xuất dùng cho việc sửa chữa. Hoặc việc sửa chữa máy thi công sử dụng dịch vụ bên ngoài, như vậy kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT để ghi tăng chi phí cho công trình, hạng mục công trình.

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Tổng hợp tiền lương tháng 9/2014 của công nhân điều khiển máy thi công, kế toán lập bảng thanh toán lương (**Biểu 2.13**), từ bảng thanh toán lương kế toán lập bảng tính và phân bổ tiền lương (**Biểu 2.9**). Từ bảng tính và phân bổ tiền lương, kế toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 623 (**Biểu 2.15**) đồng thời kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái tài khoản 623 (**Biểu 2.17**) và các TK có liên quan.

Biểu số 2.13: Bảng thanh toán lương công nhân điều khiển máy**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG CÔNG NHÂN ĐIỀU KHIỂN MÁY****Tháng 09/2014**

TT	Họ và tên	CV	Lương khoán	Số công	Lương thời gian	Phụ cấp		Lương thực tế	Thực lĩnh	Ký nhận
						Trách nhiệm	Tiền ăn đi lại			
A	B	C	1	2	$3=1*2/26$	4	5	$6=3+4+5$	7	
1	Nguyễn Văn Thành	ĐKM	5.160.000	26	5.160.000		650.000	5.810.000	5.810.000	
2	Nguyễn Hữu Đại	ĐKM	5.160.000	25	4.961.500		650.000	5.611.500	5.611.500	
3	Phạm Quang Hương	ĐKM	4.875.000	24	4.500.000		650.000	5.150.000	5.150.000	
4	Vũ Thế Anh	ĐKM	4.875.000	25,5	4.781.250		650.000	5.431.250	5.431.250	
5	Nguyễn Văn Đức	ĐKM	4.665.000	24,5	4.396.000		650.000	5.046.000	5.046.000	
		
	Cộng		48.180.000		46.080.000		5.200.000	51.280.000	51.280.000	

Ng ày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập**Kế toán trưởng**

- Trích khấu bao tài sản cố định: Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tính khấu hao máy thi công theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu hao} &= \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}} \\ \text{Mức khấu hao bình quân} &= \frac{\text{Mức khấu hao bình quân năm}}{12} \end{aligned}$$

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Ví dụ: Ngày 30 tháng 09 năm 2014 tính khấu hao máy thi công tháng 9, tổng số trích là 31.428.428 đồng. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 623	31.428.428
Nợ TK 642	15.616.667
Có TK 214	47.045.095

Từ bảng tính và phân bổ khấu hao (**Biểu 2.14**), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.16**) theo định khoản và sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 623 (**biểu số 2.15**). Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 623 (**Biểu số 2.17**) và các TK có liên quan.

Biểu 2.14**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9****BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ**

Từ ngày 01/09/2014 đến ngày 30/09/2014

ST T	Tên TSCĐ	Ngày bàn giao	Nguyên giá	Thời hạn SD	GTHM lũy kế đến cuối tháng 9	Mức KH tháng này	Phân bổ cho đối tượng sử dụng		Giá trị TSCĐ còn lại
							623	642	
I	Nhà cửa vật kiến trúc								
1	Nhà làm việc 2 tầng	T01/2003	1.457.062.338	15	1.083.892.484	8.094.791		8.094.791	373.169.854
								
II	Dụng cụ quản lý								
1	Máy photocopy Toshiba E550	T01/2010	31.250.000	5	25.468.750	520.833		520.833	5.781.250
								
III	Phương tiện vận tải								
								
IV	Máy móc thiết bị								
1	Máy ủi DT75	T06/2007	145.004.000	10	106.336.267	1.208.367	1.208.367		38.667.733
2	Máy xúc Cobe	T08/2009	374.164.500	10	193.318.325	3.741.645	3.741.645		180.846.175
3	Máy toàn đạc DT 209	T04/2010	89.000.000	6	66.750.000	1.236.111	1.236.111		22.250.000
								
	Cộng		<u>7.771.058.792</u>		<u>3.960.997.970</u>	<u>47.045.095</u>	<u>31.428.428</u>	<u>15.616.667</u>	<u>3.810.060.822</u>

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Kế toán**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 2.15**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****Bảng phân bổ chi phí sử dụng máy thi công**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Tên công trình	Tiêu thức phân bổ (Giá thành dự toán)	Chi phí SDMTC
1	Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”	13.750.000.000	206.244.957
2	Công trình “Khu nhà Đập Minh Đức”	4.920.000.000	73.798.196
...
	Cộng	23.530.000.000	352.941.370

Diễn giải cụ thể cách lấy số liệu vào bảng trên:

Tổng chi phí sử dụng máy thi công trong quý III năm 2014 của công ty là **352.941.370** đồng.

Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công là: **23.530.000.000** đồng.

Giá thành dự toán của các công trình là:

Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”: **13.750.000.000** đồng

Công trình “Khu nhà ở Đập Minh Đức”: **4.920.000.000** đồng

Vậy phần chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng công trình là:

$$\begin{array}{l}
 \text{Công trình} \\
 \text{Nước sạch} \\
 \text{Tràng Cát} \\
 \text{Công trình} \\
 \text{Khu nhà ở} \\
 \text{Đập Minh} \\
 \text{Đức}
 \end{array}
 = \frac{\mathbf{352.941.370}}{\mathbf{23.530.000.000}} \times \mathbf{13.750.000.000} = \mathbf{206.244.957}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Công trình} \\
 \text{Khu nhà ở} \\
 \text{Đập Minh} \\
 \text{Đức}
 \end{array}
 = \frac{\mathbf{352.941.370}}{\mathbf{23.530.000.000}} \times \mathbf{4.920.000.000} = \mathbf{73.798.196}$$

Biểu số 2.15:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tập hợp cho toàn công ty

Số hiệu tài khoản: 623

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ 623					
				Tổng tiền	Chia ra				
					6231	6232	6234	6237
...
BTL09	30/09	Tiền lương nhân viên điều khiển máy tháng 9	334	51.280.000	51.280.000				
KH09	30/09	Tính khấu hao máy móc thiết bị thi công công trình tháng 9	214	31.428.428			31.428.428		
...
HD 2665789	02/10	Mua nhiên liệu cho máy thi công	331	17.600.000		17.600.000			
.....
		Cộng SPS quý III		352.941.370	122.110.000	101.625.000	90.540.180	10.265.120

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.16:**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****NHẬT KÝ CHUNG**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có

21/9	GBN0058	21/9	Thanh toán tiền mua sắt cho DNTN Duy Linh	331 112	174.460.000	174.460.000

30/9	KH09	30/9	Tính khấu hao TSCĐ tháng 9	623	31.428.428	
				642	15.616.667	
				214		47.045.095
30/9	BTHL09	30/9	Tính lương phải trả công nhân viên tháng 9	622	570.360.000	
				623	51.280.000	
				627	61.630.500	
				642	73.750.000	
				334		757.020.500
30/9	BTHL09	30/9	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	627	9.991.320	
				642	14.180.000	
				334	5.854.953	
				338		30.017.273

			Cộng SPS		268.379.425.295	268.379.425.295

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu tài khoản: 623

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
	
2/7	HĐ 2365789	27	Mua nhiên liệu cho máy thi công	331	8.800.000	
					
31/7	BTHL07	31/7	Chi phí lương nhân viên điều khiển máy tháng 7	334	27.466.500	
					
15/9	PC80/09	15/9	Mua dầu diezen phục vụ máy thi công	111	8.600.000	
	
30/9	BTHL09	30/9	Tiền lương nhân viên điều khiển máy tháng 9	334	51.280.000	
30/9	KH09	30/9	Khấu hao máy thi công công trình tháng 09	214	31.428.428	
30/9	PKT43	30/9	K/C CP sử dụng MTC	154		352.941.370
			Cộng SPS		352.941.370	352.941.370

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung

Tại công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, chi phí sản xuất chung là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung tại công trường. Theo đó, chi phí sản xuất chung gồm các khoản mục chi phí như:

Chi phí nhân viên bao gồm: Tiền lương và các khoản phụ cấp của bộ phận gián tiếp, bộ phận cung ứng, kho và các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ) của bộ phận quản lý công trình.

Các khoản trích theo lương được công ty tiến hành trích theo tỷ lệ quy định hiện hành như sau:

Chỉ tiêu	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng
Trừ vào lương	8%	1,5%	1%	0%	10,5%
Tính vào chi phí SXKD	18%	3%	1%	2%	24%

Trong đó:

$$\text{Các khoản trích theo lương} = \% \text{ Trích theo lương} \times \text{Mức lương trích}$$

- Chi phí công cụ dụng cụ quản lý bao gồm chi phí vật liệu dùng cho thi công công trình bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, ủng, mũ, đồ dùng văn phòng phục vụ cho ban quản lý công ty...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác: Bao gồm các khoản chi trả tiền điện, nước, internet, chi phí lãi vay do công ty phân bổ, chi phí tiếp khách – giao dịch, chi phí lán trại...

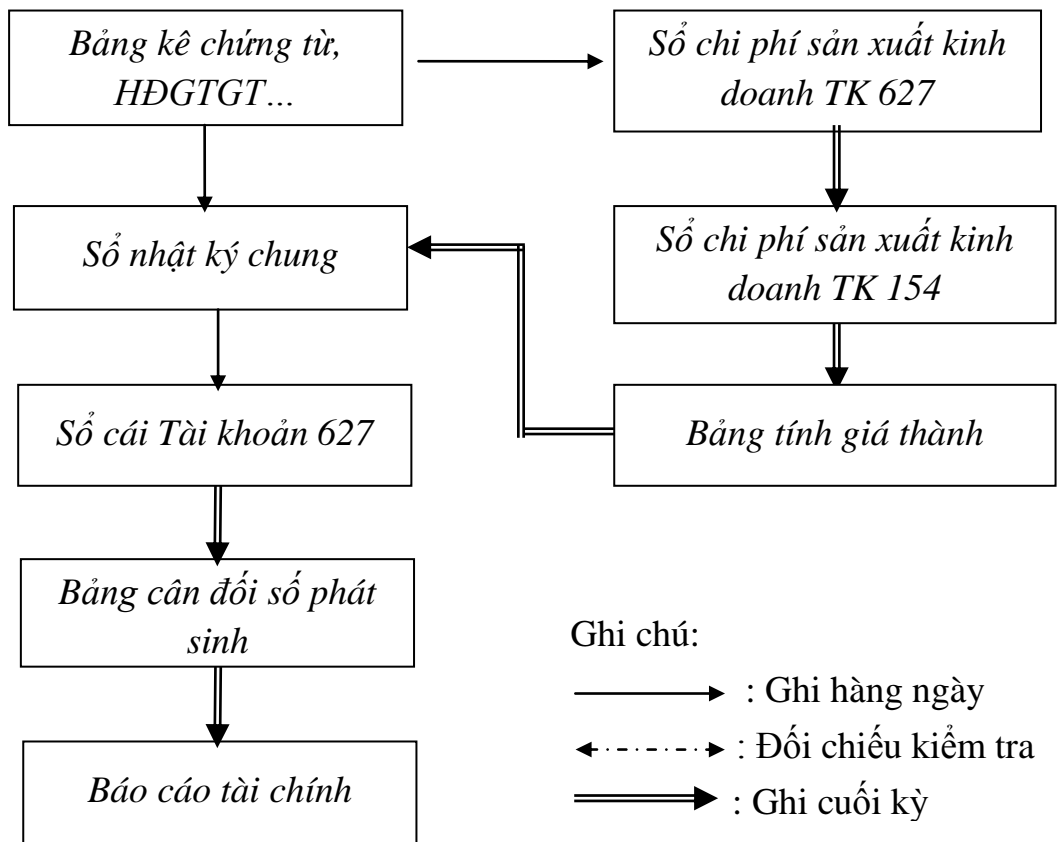
❖ **Chứng từ sử dụng:** Bảng tổng hợp tiền lương trích bảo hiểm xã hội; Bảng tính các khoản trích theo lương; Bảng phân bổ khấu hao; Bảng phân bổ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN; Bảng kê chứng từ; Hóa đơn GTGT.

❖ **Tài khoản sử dụng:** Đề tập hợp chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng tài khoản 627 – “Chi phí sản xuất chung”. TK 627 có các TK cấp 2 như sau:

- + TK 6271 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6272 – Chi phí vật liệu
- + TK 6273 – Chi phí dụng cụ
- + TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình tập hợp chi phí sản xuất chung



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan đến chi phí sản xuất chung, kế toán công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 tập hợp cho toàn công ty. Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản Có liên quan như 627, 214, 242...

Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 kế toán lập bảng phân bổ chi phí sản chung cho từng công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí SXC} \\
 \text{phân bổ cho} \\
 \text{công trình A}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tổng chi phí SXC}}{\text{Tổng giá thành dự toán của các công trình tính đến thời điểm phân bổ}} \times \begin{array}{l}
 \text{Giá thành dự} \\
 \text{toán của công} \\
 \text{trình A}
 \end{array}$$

Từ bảng phân bổ chi phí sản xuất chung, kế toán lập bảng tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung phản ánh bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

❖ Tập hợp chi phí sản xuất chung

➤ Chi phí nhân viên quản lý công trường (TK 6271)

Chi phí nhân viên quản lý công trường bao gồm các khoản phải trả cho của đội trưởng, đội phó, nhân viên kỹ thuật... Tiền lương phải trả cho bộ phận gián tiếp của đội được xác định theo hình thức lương thời gian. Căn cứ vào các bảng thanh toán lương, kế toán tiền lương tính tổng lương cơ bản, lương thực tế của nhân viên quản lý công trường và tính các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân viên theo quy định.

Tiền lương phải trả cho bộ phận gián tiếp của đội theo hình thức lương thời gian được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền} \\ \text{lương} \\ \text{phải trả} \\ \text{trong} \\ \text{tháng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{lương} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số ngày theo quy định} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{làm việc} \\ \text{trong} \\ \text{tháng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{phụ cấp} \end{array}$$

Các khoản phụ cấp bao gồm:

- Phụ cấp tiền ăn ca + đi lại + điện thoại: 650.000
- Phụ cấp trách nhiệm (Nếu có)

Thực lĩnh = Tổng thu nhập - Các khoản giảm trừ (BHXH, BHYT, BHTN, Thuế TNCN).

Biểu 2.18:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9

Bộ phận quản lý đội xây dựng toàn công ty

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG NHÂN VIÊN GIÁN TIẾP

Tháng 09/2014

TT	Họ và Tên	CV	Số công	Lương cơ bản	Lương thời gian	Phụ cấp		Lương thực tế	Khấu trừ bảo hiểm	Thực lĩnh	Ký nhận
						Trách nhiệm	Tiền ăn đi lại				
A	B	C	2	3	4=2*3/26	5	6	7=4+5+6	8=4*10,5%	9=7-8	
1	Nguyễn Danh Phương	ĐT	26	5.970.000	5.970.000	700.000	650.000	7.320.000	626.850	6.693.150	
2	Nguyễn Thành Đô	ĐP	26	5.475.000	5.475.000	500.000	650.000	7.120.000	574.875	6.645.125	
3	Nguyễn Xuân Đông	GS	25	5.475.000	5.264.500		650.000	5.914.500		5.914.500	
4	Tô Văn Thành	KT	24,5	4.995.000	4.707.000		650.000	5.357.000		5.357.000	
5	Nguyễn Văn Đức	KT	25,5	4.995.000	4.899.000		650.000	5.549.000	514.935	5.034.605	
			
	Cộng			58.450.000	55.230.500	1.200.000	5.200.000	61.630.500	2.371.200	59.259.300	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

➤ *Chi phí CCDC phục vụ sản xuất (TK 6273)*

Đối với CCDC có giá trị nhỏ như: cuốc, xẻng, dụng cụ bảo hộ lao động (mũ, quần áo bảo hộ...)... đều được kế toán phân bổ 1 lần vào chi phí sản xuất trong kỳ, còn các CCDC có giá trị lớn nhưng chưa đủ tiêu chuẩn là TSCĐ thì được phân bổ dần vào chi phí. Kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho công cụ dụng cụ đã tập hợp được trong tháng lập Bảng kê xuất CCDC.

Cuối tháng, kế toán tại phòng kế toán công ty căn cứ vào chứng từ chuyển về từ đội thi công (phiếu xuất kho, hoá đơn mua hàng), tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bảng kê xuất CCDC và bảng phân bổ chi phí TK 242, sau đó ghi vào nhật ký chung.

Ví dụ: Ngày 30/09/2014 Phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất chung với tổng số tiền là 20.800.333 đồng.

Nợ TK 627: 20.800.333

Có TK 242: 20.800.333

Căn cứ vào bảng phân bổ chi phí TK 242 (**Biểu 2.19**), kế toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 tập hợp chung cho toàn công ty (**Biểu 2.23**), vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.24**). Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 627 (**Biểu 2.25**) và các tài khoản có liên quan.

Biểu số 2.19:**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC TK 242**

Tháng 09 năm 2014

Tên vật tư	SL	ĐG	Thành tiền	TGPB (Tháng)	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền đã phân bổ	Số tiền PB kỳ này	Giá trị còn lại
Máy bơm	3	480.000	1.440.000	12	530.500	909.500	120.000	410.500
Máy cắt gạch HISTU MCD 230	5	4.741.100	23.705.500	24	17.779.125	5.926.375	987.729	16.791.396
Máy đầm đất Mikasa MT- 72FW	4	6.890.000	27.560.000	24	10.335.000	17.225.000	1.148.333	9.186.667
.....
Cộng			235.596.700		64.742.825	170.853.875	20.800.333	43.942.492

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Kế toán trưởng*(Ký, họ tên)***Người lập***(Ký, họ tên)*

➤ *Chi phí dịch vụ mua ngoài:*

Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty gồm: chi phí điện thoại, nước, chi phí thuê TSCĐ phục vụ việc quản lý công trình, chi phí thí nghiệm vật tư... Khi phát sinh các chi phí dịch vụ mua ngoài, kế toán công trình sẽ tập hợp các hoá đơn chứng từ liên quan như: hợp đồng thuê nhà, biên lai thanh toán tiền điện nước, phiếu thu của các đơn vị khác... cuối tháng chuyển về phòng kế toán để hạch toán:

Ví dụ: Ngày 07/09/2014 thanh toán tiền điện thoại, internet tháng 08 công trình Nước sạch Trảng Cát – TC 01 trị giá 1.404.909 đồng (chưa có VAT 10%)

Hạch toán:

Nợ TK 627:	1.404.909
Nợ TK 133:	140.491
Có TK 111:	1.545.400

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1454024 (**Biểu 2.20**), phiếu chi số 06/09(**Biểu 2.21**), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.24**), sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 627 (**Biểu số 2.23**) . Từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” (**Biểu 2.25**)

Biểu số 2.20:

HOÁ ĐƠN				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				
(Liên 2: giao cho khách hàng)			Mẫu số:01GTKT2/001	Ký hiệu:AA/14P
			Số 1454024	
MST: 0200287977				
Viễn thông Hải Phòng				
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Chi Phương – Hồng Bàng- Hải Phòng				
Tên khách hàng: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9				
Địa chỉ: Thôn Song Mai – Xã An Hồng – Huyện An Dương – TP.Hải Phòng.				
MST: 0200576143				
Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
Kỳ cước tháng 8/2014				
a. Cước viễn thông				
b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				1.404.909
c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
d. Khuyến mại				0
e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b-c-d)	Cộng tiền dịch vụ			1.404.909
Thuế suất GTGT 10 %	Tiền thuế GTGT			140.491
Tổng cộng tiền thanh toán				1.545.400
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, năm trăm bốn mươi năm nghìn, bốn trăm đồng chẵn./.</i>				
Ngày 07 tháng 09 năm 2014				
Người nộp tiền			Nhân viên giao dịch	
			Nguyễn Thị Xuân	

Biểu số 2.21: Phiếu chi**Đơn vị: Công ty CP ĐẦU TƯ & XD BẠCH ĐĂNG 9**

Mẫu số: 02 - TT

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-

PHIẾU CHI

BTC ngày

Ngày: 07/09/2014

20/03/2006 của Bộ Tài Chính

Số: PC06/09

TK ghi Nợ: 133 140.491

627 1.404.909

Người nhận tiền: Phạm Thế Anh

Đại diện đơn vị:

Địa chỉ:

Về khoản: Thanh toán tiền điện thoại, internet tháng 8 công trình TC - 01

Số tiền: 1.545.400 VNĐ

Bằng chữ: *Một triệu, năm trăm bốn mươi năm nghìn, bốn trăm đồng chẵn./.*

Kèm theo:..... chứng từ gốc.....

Giấy giới thiệu số..... Ngày: .../.../....

Ngày 07 tháng 09 năm 2014

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền*(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**đóng dấu)*

Chi phí sản xuất chung của Công trình: “Nước sạch Trùng Cát – TC 01” không được phân bổ theo số liệu riêng mà được phân bổ từ số liệu chung như sau:

Biểu số 2.22**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9****Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Tên công trình	Tiêu thức phân bổ (Giá thành dự toán)	Chi phí SXC
1	Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”	13.750.000.000	265.173.040
2	Công trình “Khu nhà Đập Minh Đức”	4.920.000.000	94.833.735
...
	Cộng	23.530.000.000	453.783.391

Diễn giải cụ thể cách lấy số liệu vào bảng trên:

Tổng chi phí SXC trong quý III năm 2014 của công ty là: **453.783.391** đồng.Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công là: **23.530.000.000** đồng.

Giá thành dự toán của các công trình là:

Công trình “Nước sạch Tràng Cát – TC 01”: **13.750.000.000** đồngCông trình “Khu nhà ở Đập Minh Đức”: **4.920.000.000** đồng

Vậy phần chi phí SXC phân bổ cho từng công trình là:

$$\begin{array}{l} \text{Công trình} \\ \text{Nước sạch} \\ \text{Tràng Cát} \end{array} = \frac{453.783.391}{23.530.000.000} \times 13.750.000.000 = 265.173.040$$

$$\begin{array}{l} \text{Công trình} \\ \text{Khu nhà ở} \\ \text{Đập Minh} \\ \text{Đức} \end{array} = \frac{453.783.391}{23.530.000.000} \times 4.920.000.000 = 94.833.735$$

Biểu số 2.23**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Số hiệu tài khoản: 627

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Tập hợp cho toàn công ty

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ 627				
				Tổng tiền	Chia ra			
					6271	6272	6273	6278
						
PC06/09	07/09	Thanh toán tiền điện tháng 8 tại công trường	111	1.404.909				1.404.909
...
PX65/TC	15/09	Xuất bạt dày che công trình	153	3.190.000			3.190.000	
							
BTHL09	30/09	Tiền lương bộ phận quản lý công trình tháng 9	334	61.630.500	61.630.500
PB09/14	30/09	PB chi phí trả trước vào 627	242	20.800.333			20.800.333	
...
		Cộng SPS quý III		453.783.391	226.900.150	72.375.017	86.975.561	67.532.663

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.24:**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****NHẬT KÝ CHUNG**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có

7/9	PC06/09	7/9	Thanh toán tiền điện thoại, internet tại công trường	627	1.404.909	
				133	140.491	
				111		1.545.400
					
15/9	PX65/TC	15/9	Xuất bạt dày che công trình	627	3.190.000	
				153		3.190.000
					
21/9	GBN0058	21/9	Thanh toán tiền mua sắt cho DNTN Duy Linh	331	174.460.000	
				112		174.460.000
					
30/9	BTHL09	30/9	Tính lương phải trả công nhân viên tháng 9	622	570.360.000	
				623	51.280.000	
				627	61.630.500	
				642	73.750.000	
				334		757.020.500
30/9	BTHL09	30/9	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	627	9.991.320	
				642	14.180.000	
				334	5.854.953	
				338		30.017.273
30/9	PB09/14	30/9	Phân bổ chi phí trả trước vào 627	627	20.800.333	
				242		20.800.333

			Cộng phát sinh		268.379.425.295	268.379.425.295

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25:**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu tài khoản: 627

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
7/9	PC06/09	7/9	Thanh toán tiền điện thoại, internet tại công trường	111	1.404.909	

15/9	PX65/TC	15/9	Xuất bạt dày che công trình	153	3.190.000	

30/9	BTHL09	30/9	Tiền lương bộ phận quản lý đội tháng 9	334	61.630.500	
30/9	BTHL09	30/9	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	338	9.991.320	
30/9	PB09/14	30/9	PB chi phí trả trước vào 627	242	20.800.333	
30/9	PKT43	30/9	K/c CP sản xuất chung	154		453.783.391
			Cộng SPS quý III		453.783.391	453.783.391

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Theo từng giai đoạn hoàn thành, công ty tiến hành thanh toán với chủ đầu tư phần khối lượng xây lắp hoàn thành đến thời điểm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Để thanh toán, công ty phải xác định được giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ. Muốn vậy, công ty phải tính được khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ. Việc xác định thường được tiến hành bằng phương pháp kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang cuối mỗi giai đoạn.

Kế toán căn cứ vào bản kiểm kê và tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ, chi phí dở dang đầu kỳ tính ra chi phí dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{aligned}
 \text{CP thực tế KLXL} & \quad \text{Chi phí SXDD} & + & \quad \text{Chi phí SXDD} \\
 \text{dở dang cuối kỳ} & \quad \text{đầu kỳ} & & \quad \text{PS trong kỳ} \\
 & = \frac{\quad + \quad}{\text{Giá trị dự toán của} & + & \quad \text{Giá trị dự toán}} \times \text{Giá trị dự toán} \\
 & & \text{KLXL hoàn thành} & \quad \text{của KLXL DD} \\
 & & \text{bàn giao trong kỳ} & \quad \text{cuối kỳ} \\
 & & & \quad \text{của KLXL DD} \\
 & & & \quad \text{cuối kỳ}
 \end{aligned}$$

Đối với Công trình “ Nước sạch Tràng Cát – TC 01” là một công trình có khối lượng bàn giao thanh toán theo giai đoạn quy ước. Cho nên, sau khi nhận được Biên bản kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ từ cán bộ kỹ thuật gửi sang, kế toán tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức trên:

- Chi phí SX của KLXL dở dang đầu quý III: 147.528.410
- Chi phí SX của KLXL thực tế phát sinh trong quý III: 2.599.250.949
- GT dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong quý III: 2.584.328.000
- GT dự toán của KLXL dở dang cuối quý III: 201.355.312

$$\begin{aligned}
 \text{CP thực tế KLXL} & = \frac{147.528.410 + 2.599.250.949}{2.584.328.000 + 201.355.312} \times 201.355.312 \\
 \text{dở dang cuối kỳ} & - \quad \quad \quad \mathbf{198.543.249}
 \end{aligned}$$

Biểu 2.26**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9****BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CỦA KHỐI LƯỢNG DỒ DANG CUỐI KỲ**

Công trình Nước sạch Trảng Cát – TC 01

Ngày 30/09/2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Vật liệu		Nhân công		Máy thi công		Chi phí sản xuất chung		Cộng
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	Xây tường 220	M2	32	697.125	22.308.000	195.000	6.240.000	0	0	17.250	552.000	29.100.000
2	Làm cột trụ	Tấn	0.015	1.412.000	21.180.000	489.000	7.335.000	133,800	2.007.000	20.250	303.750	30.825.750
3	LD thép làm sà gồ	Tấn	0.035	465.725	16.300.375	282.000	9.870.000	31,850	1.114.750	15.250	533.750	27.818.875

	Cộng				130.502.670		56.075.000		8.763.000		6.014.642	201.355.312

Kế toán trưởng*(Ký, họ tên)***Người lập***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.27:**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT TOÀN CÔNG TY**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: đồng

ST T	Khoản mục	CPNVLTT	CPNCTT	CPSDMTC	CPSXC	Cộng
	Công trình					
1.	Nước sạch Tràng Cát	1.682.422.952	445.410.000	206.244.957	265.173.040	2.599.250.949
2.	Khu nhà ở Đập Minh Đức	796.131.030	221.518.750	73.798.196	94.833.375	1.186.281.351
...
	Cộng	2.988.328.155	1.148.640.000	352.941.370	453.783.391	4.943.692.916

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Kế toán trưởng*(Ký, họ tên)***Người lập***(Ký, họ tên)*

Căn cứ bảng tổng hợp CPSX toàn công ty kế toán viết phiếu kế toán kết chuyển chi phí sản xuất năm 2014

Biểu 2.28**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 43**

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí sản xuất sang 154	154	621	2.988.328.155
			622	1.148.640.000
			623	352.941.370
			627	453.783.391
	Cộng			4.943.692.916

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm

❖ Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành của công ty là công trình, hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn công trình, hạng mục công trình hoàn thành theo quy ước tùy thuộc vào phương thức thanh toán giữa chủ đầu tư và công ty.

Đối với Công trình Nước sạch Tràng Cát – TC 01, đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành theo giai đoạn quy ước đã được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

❖ Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành ở công ty là theo quý, tuy nhiên, tùy thuộc vào thời điểm bàn giao công trình, HMCT đã được quy định trong hợp đồng mà công ty có thể thực hiện kỳ tính giá thành khác nhau, xác định kỳ tính giá thành là một quý nhằm quản lý tốt các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

❖ Phương pháp tính giá thành

Tính giá thành là một khâu hết sức quan trọng. Để xác định giá thành một cách nhanh chóng, chính xác, thì ngoài việc xác định đúng đối tượng và kỳ tính giá thành thì còn cần phải lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp.

Xuất phát từ yêu cầu đó, công ty đã áp dụng phương pháp giản đơn (Phương pháp trực tiếp) để tính giá thành cho từng công trình (HMCT) theo từng quý. Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{xây lắp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SX DD} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP sản xuất} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí SX DD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

* Đối với công trình Nước sạch Tràng Cát – TC 01:

- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ: 147.528.410
- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ: 2.599.250.949
- Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ: 198.543.249
- Giá thành sản phẩm xây lắp quý III là:

$$\begin{aligned} Z &= 147.528.410 + 2.599.250.949 - 198.543.249 \\ &= \mathbf{2.548.236.110} \end{aligned}$$

Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp đến điểm dừng trong quý, kế toán tiến hành tính giá thành của toàn công ty quý III.

Biểu số 2.29:**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH TOÀN CÔNG TY***Quý III năm 2014*

STT	Tên công trình	Chi phí DDDK	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giá trị DDCK	Giá thành sản phẩm xây lắp
1	Nước sạch Trảng Cát	147.528.410	2.599.250.949	198.543.249	2.548.236.110
2	Khu nhà ở Đập Minh Đức	483.569.200	1.186.281.351	399.999.910	1.296.850.640
...
	Cộng	1.400.814.062	4.943.692.916	1.562.006.148	4.782.500.830

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Kế toán trưởng*(Ký, họ tên)***Người lập***(Ký, họ tên)*

Căn cứ bảng tính giá thành toàn công ty, kế toán kết chuyển giá thành sản phẩm xây lắp

Biểu số 2.30**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 47**

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển giá vốn quý III	632	154	4.782.500.830
	Cộng			4.782.500.830

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Căn cứ bảng tính giá thành (**Biểu 2.29**) kê toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154

Biểu số 2.31

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Số hiệu: 1541

Tên công trình: “*Nước sạch Trùng Cát – TC 01*”

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Đơn vị tính: đồng

Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Chia ra			
				Nợ	Có	CPNVLTT	CPNCTT	CPSDMTC	CPSXC
		Dư đầu kỳ		147.528.410					
K/C Q3	30/09/2014	K/c chi phí NVLTT	621	1.628.422.952		1.628.422.952			
K/C Q3	30/09/2014	K/c chi phí NCTT	622	445.410.000			445.410.000		
K/C Q3	30/09/2014	K/c chi phí SDMTC	623	206.244.957				206.244.957	
K/C Q3	30/09/2014	K/c chi phí sản xuất chung	627	265.173.040					265.173.040
BTGTQ3	30/09/2014	Xác định giá vốn công trình	632		2.548.236.110				
		Cộng phát sinh trong kỳ		2.599.250.949	2.548.236.110	1.628.422.952	445.410.000	206.244.957	265.173.040
		Dư cuối kỳ		198.543.249					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Căn cứ vào phiếu kế toán số 43/14, 47/14 kế toán vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 154, TK 632.

Biểu 2.32

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9
NHẬT KÝ CHUNG
Quý III Năm 2014**

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có

15/7	PC20/07	15/7	Mua văn phòng phẩm cho công trường	627 111	230.500	230.500
					
7/9	PC06/09	7/9	Thanh toán tiền điện thoại, internet tại công trường	627 133 111	1.404.909 140.491	1.545.400
					
21/9	GBN0058	21/9	Thanh toán tiền mua sắt cho DNTN Duy Linh	331 112	174.460.000	174.460.000
					
30/9	PB09/14	30/9	Phân bổ chi phí trả trước vào 627	627 242	20.800.333	20.800.333
30/9	PKT43/14	30/9	Kết chuyển chi phí sản xuất quý III sang 154	154	4.943.692.916	
				621		2.988.328.155
				622		1.148.640.000
				623		352.941.370
				627		453.783.391
30/9	PKT47/14	30/9	Kết chuyển giá vốn quý III	632	4.782.500.830	
				154		4.782.500.830

			Cộng phát sinh		268.379.425.295	268.379.425.295

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.33**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 9****SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu tài khoản: 154

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>		<u>1.400.814.062</u>	
30/9	PKT43/14	30/9	K/c chi phí NVLTT	621	2.988.328.155	
30/9	PKT43/14	30/9	K/c chi phí NCTT	622	1.148.640.000	
30/9	PKT43/14	30/9	K/c chi phí SDMTC	623	352.941.370	
30/9	PKT43/14	30/9	K/c chi phí sản xuất chung	627	453.783.391	
30/9	PKT47/14	30/9	Xác định giá vốn công trình	632		4.782.500.830
			Cộng SPS		4.943.692.916	4.782.500.830
			<u>SĐCK</u>		<u>1.562.006.148</u>	

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 9

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đăng 9

3.1.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Bạch Đăng 9

3.1.1.1 Những ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty đã xây dựng được mô hình tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý và có hiệu quả phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất, do đó công ty có thể chủ động trong hoạch định sản xuất kinh doanh, có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đứng vững trong cạnh tranh và phát triển trong điều kiện hiện nay.

Bộ máy kế toán tại công ty được bố trí tương đối hợp lý, đầy đủ các phần hành kế toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho các nhân viên trong phòng kế toán và tạo ra sự chuyên môn hóa trong công việc. Tại các đội thi công được bố trí kế toán để tiến hành theo dõi và tập hợp các chứng từ liên quan đến sự phát sinh của chi phí, điều này giúp hạn chế được những sai sót hay bỏ sót nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các đội thi công, làm giảm bớt khối lượng công việc của kế toán tại công ty và giúp cho việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện có nề nếp, khoa học, mang tính ổn định và có sự liên kết giữa các phòng ban. Trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý, chặt chẽ. Thủ tục lưu sổ sách, chứng từ khoa học, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và hạch toán đúng đắn. Danh mục tài khoản được áp dụng đúng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

❖ Trình độ chuyên môn:

Các cán bộ kế toán tại công ty là những người có kinh nghiệm, được đào tạo chuyên sâu, hầu hết đều tốt nghiệp đại học, thường xuyên được đào tạo

và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

❖ **Về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp:**

Tại Công ty, công tác này đã và đang phát huy hiệu quả. Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, HMCT trong kỳ là hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công của công ty, phục vụ tốt công tác chỉ đạo các tổ đội thi công, xây lắp, giúp cho việc quản lý giá thành và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tốt hơn. Công ty đã tổ chức hoạt động một cách khoa học hợp lý, quản lý chặt chẽ thời gian và chất lượng lao động của công nhân, góp phần giảm bớt các chi phí thiệt hại.

Công tác kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang được tổ chức một cách khoa học, cung cấp số liệu hợp lý, kịp thời phục vụ cho công tác tính giá thành.

Hệ thống sổ kế toán sử dụng cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung tương đối hoàn thiện, phù hợp với quy định kế toán hiện hành; trình tự hạch toán chặt chẽ, các chi phí phát sinh được tập hợp và phản ánh rõ ràng.

Những ưu điểm về quản lý và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm xây lắp, tối đa hoá lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng tại công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 cũng có những tồn tại nhất định cần khắc phục.

❖ **Về việc hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý TSCĐ**

Trường hợp công ty có thi công những công trình lớn, có thời gian thi công dài (có thể kéo dài đến 2 hoặc 3 năm) có sử dụng những loại máy móc thiết bị chuyên dùng và các loại máy móc, thiết bị này đã được trích khấu hao hết vào trong giá trị của công trình đó. Khi thanh lý, kế toán hạch toán như sau:

Bút toán 1: phản ánh số thu hồi về thanh lý:

Nợ TK 111,112,131: thu bằng tiền, bán chịu.

Có TK 711: thu nhập về thanh lý.

Có TK 3331: VAT đầu ra nếu có.

Bút toán 2: Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công nếu có:

Nợ TK 811: chi phí thanh lý.

Nợ TK 133: VAT đầu vào nếu có.

Có TK liên quan: 111, 112, 334....

Việc hạch toán như trên là không đúng chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp xây dựng, đồng thời phản ánh không chính xác giá thành công trình.

❖ ***Về kế toán chi phí sử dụng máy thi công:***

- Đối với các khoản chi phí có thể tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình như nhiên liệu.... công ty không tiến hành tập hợp riêng mà tập hợp chung hết tất cả các khoản chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ lại, sau đó cuối kỳ mới tiến hành phân bổ cho từng công trình, HMCT. Như vậy sẽ không phản ánh chính xác chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình, HMCT, từ đó sẽ không phản ánh chính xác giá thành của công trình đó.

- Hiện tại công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình, HMCT là tiêu thức “***giá trị khối lượng xây lắp dự toán***”. Lựa chọn tiêu thức này là chưa hợp lý vì trong giá trị khối lượng xây lắp dự toán bao gồm cả 4 khoản mục chi phí (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung) mà các công trình, HMCT khác nhau sẽ có mức sử dụng máy thi công là khác nhau. Ví dụ có thể cùng một giá trị như nhau nhưng công trình, hạng mục sửa chữa sẽ có mức độ sử dụng máy thi công ít hơn là công trình xây mới.

❖ ***Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Tài sản cố định của Công ty do được mua sắm từ lâu nên một số tài sản đã xuống cấp mặc dù vậy, kế toán vẫn không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ hàng năm mà tính vào chi phí sản xuất khi có TSCĐ hỏng, sửa chữa lớn, như vậy chi phí đúng ra phải phân bổ cho nhiều công trình thì lại phân bổ cho một công trình làm tăng chi phí giá thành, mà đúng ra mỗi công trình sử dụng TSCĐ đều phải gánh chịu một phần. Hạch toán như trên làm cho chi phí sản xuất trong kỳ được xác định thiếu chính xác, làm tăng chi phí sản xuất của kỳ này và giảm chi phí sản xuất của kỳ khác, làm cho giá thành công trình bị sai lệch so với thực tế.

❖ Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, với đặc thù riêng của ngành nghề kinh doanh công ty có thể gặp phải những rủi ro khách quan hay chủ quan. Những khoản thiệt hại này không những gây tổn thất cho Công ty mà còn làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Ví dụ như khi tiến hành ốp lát gạch cho một công trình, bị sai quy cách, các hoa văn họa tiết không khớp nhau hay gạch bị bong tróc phải tiến hành lột lên ốp lát lại. Việc này gây thiệt hại cho công ty. (Công ty phải trả thêm tiền mua nguyên vật liệu: xi măng,..., tiền chi phí nhân công trực tiếp.)

Tuy nhiên, Công ty hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất (thiệt hại về sản phẩm hỏng,...) vào chi phí sản xuất chung mà không tiến hành hạch toán các khoản thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Điều này dẫn đến khó kiểm soát và quản lý các khoản thiệt hại, không đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

❖ Về công tác ghi chép sổ sách kế toán

Hiện nay công ty vẫn áp dụng hình thức thủ công để hạch toán kế toán. Phương pháp này khiến cho kế toán phải ghi chép lặp lại nhiều lần cho một nghiệp vụ vì phải vào nhiều sổ sách có liên quan nên mất nhiều thời gian.

Ví dụ như khi nộp hoặc rút tiền gửi ngân hàng, kế toán phải vào sổ sách tiền mặt và tiền gửi. Hay khi mua hàng hoá, vật tư (Thanh toán bằng tiền mặt), kế toán phải lập phiếu chi và phiếu nhập kho đồng thời. Song song đó phải vào sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết vật tư cho từng mặt hàng.

Bên cạnh đó, khi sai sót mất nhiều thời gian để tìm kiếm. Kế toán phải làm nhiều quy trình mới ra được báo cáo các loại nhất là vào dịp kết chuyển sổ sách cuối năm.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 trong điều kiện hiện nay.**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9**

Để tồn tại lâu dài, doanh nghiệp phải luôn tìm mọi biện pháp khẳng định mình trên thị trường. Trên cơ sở những nguồn lực có hạn, để nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn cách nào khác là doanh nghiệp phải

tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được mục tiêu này, ngoài việc tiết kiệm các yếu tố chi phí, doanh nghiệp phải tổ chức phối hợp các biện pháp khác một cách khoa học. Đó là biện pháp tối ưu trong vấn đề thực hiện hiệu quả.

Chính vì vậy, trong suốt quá trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp cần thu thập những thông tin về tình hình chi phí so với kết quả đạt được. Từ đó, đề ra các biện pháp không ngừng giảm bớt chi phí không cần thiết, khai thác tối đa mọi tiềm năng sẵn có về nguyên vật liệu, lao động,... của doanh nghiệp. Những thông tin kinh tế đó không chỉ được xác định bằng phương pháp trực quan căn cứ vào sự tồn tại hình thái vật chất của nó, mà còn bằng phương pháp ghi chép, tính toán dựa trên sự phản ánh tình hình chi phí thực tế trên sổ sách. Xét trên góc độ này, hạch toán kế toán với chức năng cơ bản là cung cấp thông tin cho quản lý, đã khẳng định vai trò không thể thiếu đối với quản trị doanh nghiệp. Trong phần hệ thống thông tin chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán phản ánh toán bộ các yếu tố chi phí phát sinh trên các mặt quy mô và hiệu quả. Những số liệu kế toán này là cơ sở để doanh nghiệp ra các quyết định quản lý.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất không chỉ là việc tổ chức ghi chép, phản ánh theo đúng giá trị thực tế của chi phí mà còn phải theo đúng nơi phát sinh và đối tượng chịu chi phí. Tính đúng giá thành là tính toán chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất ra sản phẩm. Vì vậy phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng đúng phương pháp tính giá thành và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất kế toán đã tập hợp một cách chính xác. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi chi phí đã bỏ ra cho sản xuất sản phẩm nhưng cũng phải loại bỏ những chi phí không liên quan, không cần thiết đến.

Việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm giúp cho việc phản ánh đúng đắn tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp, xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh. Hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và phân hệ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho quản lý luôn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của mỗi doanh nghiệp.

3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Mục tiêu cần đạt được trong việc hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là giúp cho hoạt động kinh doanh trở nên có hiệu quả dựa trên những nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán kế toán nói chung cũng như tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Song song với việc phản ánh là sự giám sát quá trình kinh doanh một cách có hiệu quả. Do vậy cần hoàn thiện toàn bộ công tác kế toán từ chứng từ, tiền lương, sổ sách đến tổ chức bộ máy kế toán nhằm tăng cường mức độ chính xác và kịp thời thông tin về biến động tài sản, công nợ, đưa ra các giải pháp tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Muốn vậy, các phòng ban giúp việc cho Giám đốc phải kết hợp chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện tốt chức năng của mình.

Thứ hai: Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải dựa trên đặc trưng của ngành kinh doanh xây dựng cơ bản.

Thứ ba: Kết hợp giữa tính thống nhất và đa dạng về nội dung và phương pháp hạch toán. Nội dung phương pháp cần dựa trên Pháp lệnh Thống kê cũng như các chế độ về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, báo cáo tài chính. Song cũng cần phải dựa trên những đặc điểm riêng của đơn vị mình mà có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Thứ tư: Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

Thứ năm: Bảo đảm nguyên tắc phục vụ theo yêu cầu của kinh doanh trên cơ sở thực hiện đúng các qui định về pháp luật. Nguyên tắc này đòi hỏi khi hoàn thiện công tác kế toán, không những nhạy bén, trung thực, phù hợp với các quy luật của thị trường về kinh doanh mà còn phải tuân thủ đúng các chế độ và chính sách của Nhà nước. Khi có những vấn đề bất cập nảy sinh thì cần thiết phải có đề xuất kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có các biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, được sự chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú, anh chị trong phòng Tài chính – Kế toán, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng hạch toán tại Công ty. Dưới đây, em xin đề xuất một số ý kiến để có thể cải thiện tốt hơn công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cũng như hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty như sau:

❖ Ý kiến 1: Về hoàn thiện việc hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý TSCĐ

Trường hợp công ty thi công những công trình lớn, có thời gian thi công dài (có thể kéo dài đến 2 hoặc 3 năm thậm chí là lâu hơn nữa) có sử dụng những loại máy móc thiết bị chuyên dùng và các loại máy móc, thiết bị này đã được trích khấu hao hết vào trong giá trị của công trình đó. Khi thanh lý, phần giá trị thu hồi theo quy định công ty không được ghi nhận vào tài khoản 711 mà phải ghi nhận vào bên có của tài khoản 154 (làm giảm giá thành công trình). Chi phí về liên quan đến thanh lý TSCĐ không được phản ánh vào tài khoản 811 mà phải được phản ánh vào bên nợ tài khoản 154 (làm tăng giá thành công trình). Cụ thể là:

Bút toán 1: Phản ánh số thu hồi về thanh lý, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 131: thu bằng tiền, bán chịu.

Có TK 154: thu nhập về thanh lý (giá bán chưa thuế)

Có TK 3331: VAT đầu ra (nếu có)

Bút toán 2: Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công nếu có, kế toán ghi:

Nợ TK 154: chi phí thanh lý (làm tăng giá thành công trình).

Nợ TK 133: VAT đầu vào (nếu có)

Có TK liên quan: 111, 112, 331....

Với cách làm trên, công ty sẽ tuân thủ đúng theo chế độ kế toán hiện hành áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp và phản ánh chính xác giá thành của mỗi công trình, HMCT.

❖ **Ý kiến 2: Về kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Công ty tiến hành tập hợp chi phí sử dụng máy thi công chung cho toàn công ty mà không tập hợp riêng các khoản chi phí có thể tập hợp riêng được cho từng công trình, HMCT. Như vậy, sẽ không phản ánh chính xác chi phí sử dụng MTC cho từng công trình, HMCT, từ đó sẽ không phản ánh chính xác giá thành của công trình, HMCT đó. Theo em, công ty nên tập hợp chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho từng công trình, HMCT, còn những chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều công trình không thể tập hợp riêng được thì sẽ tập hợp chung và phân bổ vào cuối mỗi quý theo tiêu thức phù hợp.

Hiện tại, công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, HMCT là tiêu thức “*giá trị khối lượng xây lắp dự toán*”. Xuất phát từ sự đa dạng trong sản phẩm xây lắp của công ty đó là bao gồm các loại công trình từ sửa chữa, xây mới, các công trình thi công có độ khó và kỹ thuật phức tạp khác nhau.....nên mức độ và nhu cầu sử dụng máy thi công là rất khác nhau. Công trình xây mới thì chi phí sử dụng máy thi công sẽ nhiều hơn công trình sửa chữa nâng cấp. Vì vậy công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình là “*giá trị khối lượng xây lắp dự toán*” là chưa hợp lý và chính xác. Theo em, công ty nên tính chi phí sử dụng máy thi công theo số ca máy phục vụ cho từng công trình (số liệu về các ca máy phục vụ cho từng công trình sẽ được lấy từ bảng lịch trình ca máy) vì như thế mới phản ánh được chính xác chi phí máy thi công sử dụng cho từng công trình. Công thức tính chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sử dụng} \\ \text{máy thi công} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{công trình A} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí sử dụng máy thi công}}{\text{Tổng số ca máy sử dụng cho các công} \\ \text{trình trong tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Số ca máy} \\ \text{sử dụng cho} \\ \text{công trình} \\ \text{A} \end{array}$$

Với cách làm trên, công ty sẽ phản ánh được chi phí sử dụng máy thi công tính cho từng công trình một cách chính xác, từ đó góp phần phản ánh chính xác hơn giá thành của mỗi công trình.

❖ **Ý kiến 3: Về việc tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Nhằm mục đích ổn định tài chính cho công ty, đảm bảo khi các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất

kinh doanh trong kỳ, gây ảnh hưởng tới việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh mỗi quý, chủ động về vốn, chủ động về nguồn tài trợ cho việc sửa chữa lớn TSCĐ thì vào đầu năm hoặc đầu niên độ kinh doanh, Công ty nên lập kế hoạch sửa chữa lớn và tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Sau đó, khi việc sửa chữa lớn TSCĐ thực tế phát sinh trong bất kỳ thời gian nào trong năm thì doanh nghiệp không cần lo lắng về khả năng tài chính hiện tại có đáp ứng được hay không.

Để trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thì cuối mỗi năm công ty cần xem xét tình hình, khả năng hoạt động của tài sản cố định hiện có, từ đó lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ cho cả năm. Dựa vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm, kế toán tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo tháng hoặc quý rồi phân bổ đều chi phí cho các công trình.

- Trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh số chi phí sửa chữa lớn TSCĐ dự tính sẽ phát sinh, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 335 - Chi phí phải trả

- Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa TSCĐ kế toán ghi

Nợ TK 241(3) chi phí sửa chữa TSCĐ

Nợ TK 133 thuế VAT đầu vào (nếu có)

Có TK 111, 112, 331... Tổng giá thanh toán

Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí thực tế phát sinh thuộc khối lượng công việc sửa chữa lớn TSCĐ đã được dự trích trước vào chi phí, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 623, 627, 642 (Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước)

Nợ TK 335 – Chi phí phải trả (số đã trích trước)

Có TK 241 – XDCB dở dang (2413) (Tổng chi phí thực tế phát sinh)

Có TK 623, 627, 642 (Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước)

❖ Ý kiến 4: Về công tác hoàn thiện kế toán các khoản thiệt hại trong xây lắp

Thực tế hiện nay trong quá trình thi công các công trình, hạng mục công trình có những thời điểm công ty phải bỏ ra những chi phí nhưng không đem lại kết quả vì các nguyên nhân khách quan bà chủ quan khác nhau như: thiên tai,

hỏa hoạn, trình độ tay nghề người lao động hay chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo..... Để tránh tình trạng này xảy ra, công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Có như vậy mới khắc phục được, kiểm soát và quản lý các khoản thiệt hại góp phần đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

+ Nếu lỗi do chủ đầu tư (Bên A) gây ra (Tự ý thay đổi kết cấu, thiết kế công trình): chủ đầu tư phải bồi thường thiệt hại.

+ Nếu sản phẩm hỏng do người lao động thì tổ đội thi công phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải theo dõi khoản thu hồi.

+ Nếu do điều kiện khách quan: thiên tai, hỏa hoạn....phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường.

*** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:**

Để hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất kế toán sử dụng các tài khoản như quá trình sản xuất sản phẩm: 138, 621, 622, 623, 627, 154.

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng – Phần đã thực hiện cần sửa chữa

Có TK 154:

2. Các chi phí phát sinh thêm trong quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

Nợ TK 621: chi phí NVL phát sinh trong quá trình sửa chữa (chi tiết sản phẩm hỏng)

Có TK 152:

Nợ TK 622: chi phí nhân công phát sinh trong quá trình sửa chữa (chi tiết sản phẩm hỏng)

Có TK 334:

Nợ TK 623: chi phí SDMTC trong quá trình sửa chữa (chi tiết sản phẩm hỏng)

Có TK 152, 334, 214, 111.....

Nợ TK 627: chi phí sản xuất chung trong quá trình sửa chữa (chi tiết sản phẩm hỏng)

Có TK 152, 334, 214, 111.....

3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 154

Nợ TK 154: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

Có TK 621, 622, 623, 627:

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

Nợ TK 152, 111, 112:	phần phế liệu thu hồi
Nợ TK 154:	phần được tính vào giá thành sản phẩm
Nợ TK 811:	phần được tính vào chi phí khác
Nợ TK 138 (1388):	phần bồi thường phải thu
Nợ TK 334:	phần được tính trừ vào lương công nhân viên
Có TK 1381:	(chi tiết sản phẩm hỏng)

*** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:****1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:**

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

Có TK 154:

2. Xử lý thiệt hại phá đi làm lại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại phá đi làm lại tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được).

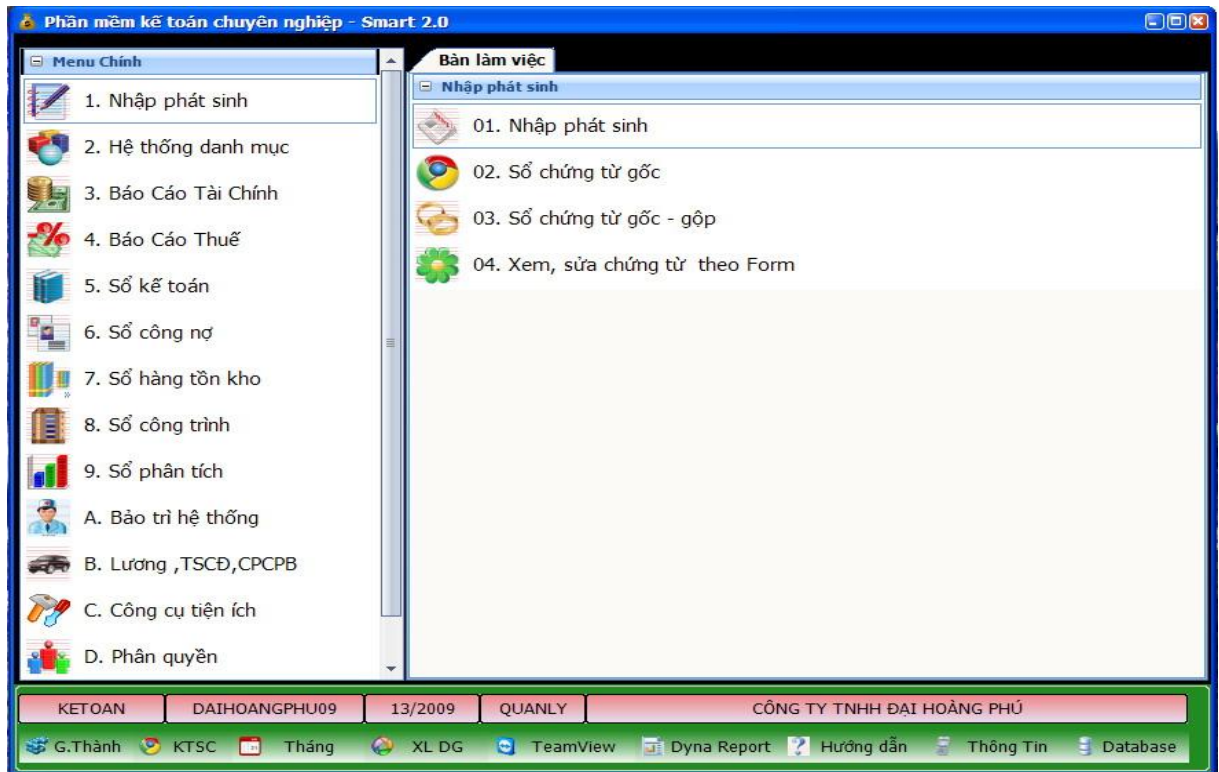
❖ Ý kiến 5: Về tổ chức công tác kế toán tại công ty

Quy mô hoạt động của doanh nghiệp ngày càng phát triển, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn. Việc áp dụng phần mềm kế toán sẽ giúp công ty:

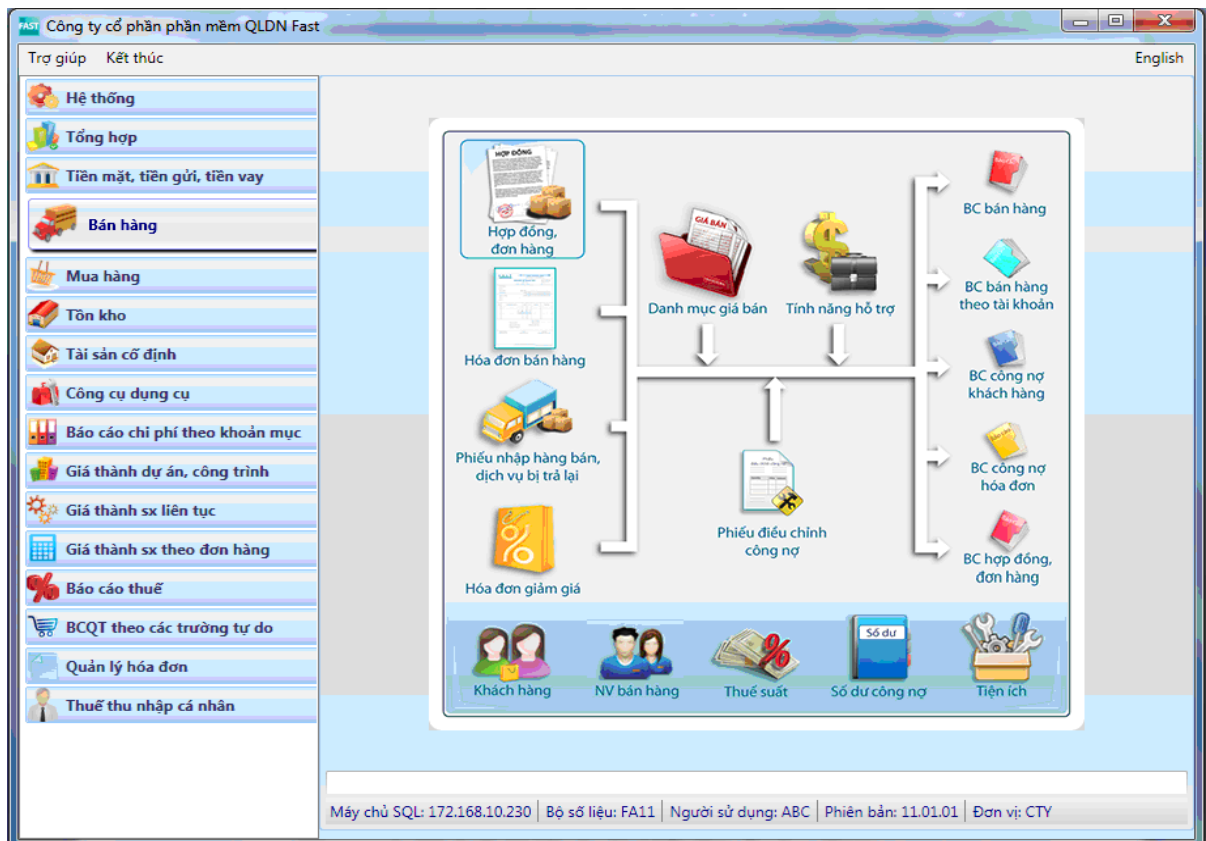
- + Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- + Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính.
- + Làm cho công việc của các kế toán sẽ không phải mất thời gian tìm kiếm, kiểm tra các số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để giành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Một số phần mềm Công ty có thể tham khảo như:

- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT.
- Phần mềm kế toán SANSINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán SMART PRO của công ty TNHH phần mềm Năng Động



Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.



Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA



Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.

Trên đây là một số ý kiến của em nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9. Tuy nhiên, để thực hiện được những giải pháp trên Công ty còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế cũng như toàn xã hội của chúng ta luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng, hàm chứa trong nó cả những cơ hội, thuận lợi để vươn lên phát triển cũng như cả những thách thức, khó khăn có thể làm sụp đổ công ty. Do vậy điều cần thiết là các doanh nghiệp phải biết mình biết ta, tự vươn lên để dành lấy những cơ hội phát triển. Để làm được điều đó, việc cải thiện và hoàn chỉnh bộ máy quản lý, đặc biệt là bộ máy kế toán là việc có ý nghĩa sống còn và không thể phủ nhận.

Trong tất cả các doanh nghiệp, cả những doanh nghiệp xây dựng như Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, thì chi phí và giá thành sản phẩm là những yếu tố quyết định trực tiếp tới lợi nhuận công ty. Vì thế sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí sản xuất cùng với việc phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là một vấn đề thực sự cần thiết và là một nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp. Yêu cầu đặt ra là hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp nói riêng và trong tất cả các doanh nghiệp nói chung để thích ứng với yêu cầu quản lý trong cơ chế mới đồng thời đây cũng là một trong những phương pháp mới kêu gọi đầu tư và ký kết các hợp đồng mới.

Thời gian kiến tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9, nhờ sự giúp đỡ chỉ bảo của thầy giáo hướng dẫn **Th.S Nguyễn Văn Thụ** và các anh chị nhân viên trong công ty nên em đã hoàn thành tốt đề tài của mình. Chắc chắn rằng những kiến thức này sẽ giúp em rất nhiều trên con đường trở thành một kế toán viên tài năng sau này. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Kim Thoa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Phan Đức Dũng (2007), *Kế toán chi phí – giá thành*, Nhà xuất bản Thống Kê.
4. Trương Thị Thủy – Ngô Thế Chi (2012), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
5. PGS. TS. Võ Văn Nhị (2009), *Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính.
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 9 (2014), *Sổ sách kế toán Công ty*.